



LỜI NGUYỆN
THỨ MƯỜI TÁM CỦA
ĐỨC PHẬT A ĐI ĐÀ

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

Viet Nalanda Foundation

2563 PL – 2019 DL



MỤC LỤC

I.	DẪN KHỞI	7
II.	ĐI TÌM ĐÚNG ĐỊA CHỈ CỦA TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC	13
	1. Mười tập nhân dẫn đến đau khổ.....	20
	2. Phương pháp dứt trừ mười tập nhân để về đến Tây Phương Cực Lạc.	29
	3. Tiêu chuẩn để về đến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc	37
	4. Ý nghĩa Cửu Phẩm Liên Hoa.....	55
III.	PHÁP THÂN A DI ĐÀ - CẢNH GIỚI THÔNG ĐỒNG CỦA CHƯ PHẬT TỪ BI.....	87
	1. Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.....	102
	2. Viên Mãn Báo Thân Phật.....	113
	3. Thiên Bá Ước Hóa Thân Phật.....	115
IV.	KẾT LUẬN.....	123

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TỖ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

Tỳ Kheo Thích Tuệ Hải, thế danh: **Đình Kim Nga**, sinh năm 1968 tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Thầy được sinh ra trong gia đình có bảy anh chị em, và Thầy là người con út. Gia đình Thầy vốn là một điền chủ. Có một điều rất lạ là mảnh đất nơi Thầy sinh ra là một nơi linh địa. Trong thời chiến tranh những lúc bom đạn xảy ra, mọi người ở khu vực gần đó đều chạy đến mảnh đất của nhà Thầy ẩn náu thì được an toàn, bom đạn không dội tới.

Đến khi có một biến cố xảy ra, người cha buông xuôi sự nghiệp nên gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Hai người anh của Thầy thấu hiểu được thời thế vô thường nên phát tâm xuất gia; sau đó chị gái của Thầy cũng xuất gia.

Từ thuở ấu thơ Thầy vốn là một người con rất hiếu thảo với cha mẹ. Từ khi sáu tuổi Thầy đã biết

nấu cơm, theo mẹ buôn bán... để phụ giúp gia đình. Tôi về tận tụy thương yêu hầu hạ cha già, một lòng phụng sự theo ý muốn của cha mình, chưa từng có nửa ý niệm chống trái. Thầy nói: “Thầy đã được dày công dạy dỗ từ thuở bé nên mới có ý chí kiên cường vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống cho đến ngày hôm nay.”

Còn Mẹ Thầy là một phụ nữ siêu tuyệt, nhân hoà và từ ái... Thầy cũng từng nói: *“Khấp thế gian này khó có người phụ nữ nào đức hạnh tuyệt vời như Mẹ của Thầy.”* Một đời tận tụy hy sinh cho gia đình và đến năm 1993 mẹ của Thầy đã xuất gia tu học tại Thiền viện Tuệ Không.

Vốn là một người có thiện căn lớn với Phật Pháp, năm lên bảy tuổi lần đầu tiên được nhìn thấy hình tượng của Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thầy đã bị chấn động và đứng chết lặng trong trạng thái thiền định trước tượng Phật gần tám tiếng đồng hồ. Lúc đó Thầy thấy rõ tất cả mọi thứ diễn ra chung

quanh mình; mọi người thấy vậy không ai dám làm động cho đến khi Thầy tự rời định.

Năm 1985 Thầy bị bệnh nặng nên nghiên cứu về phương pháp dưỡng sinh của Tiên sinh G. Oshawa. Thầy chỉ ăn dưỡng sinh trong vòng 21 ngày và đạt tới cảnh giới số 7, là cảnh giới quân bình âm dương như Tiên sinh đã nói, khi đó tất cả tật bệnh đều biến mất. Thầy ở trạng thái thân tâm rộng lặng phúc lạc vô biên suốt bảy ngày bảy đêm.

Khi mới vào đến lớp 10, có lần Thầy đi bộ đến trường, vừa đi vừa niệm Phật rơi vào cảnh giới tâm hoàn toàn rộng lặng, chỉ còn câu niệm Phật hiện tiền và đi trong mưa khoảng 5 km mà không bị ướt người và tập vở. Cho đến khi ngồi vào lớp học trước sự ngỡ ngàng của bạn bè và thầy cô giáo thì lúc ấy Thầy mới hồi ức lại là mình đã đi trong mưa mà không hề bị ướt.

Khoảng cuối lớp 10, có một việc xảy ra là Thầy đang chạy xe đạp, vừa chạy vừa niệm Phật, lúc ấy chạy qua cây cầu khi làm bằng một cây tre bắc

ngang qua kênh. Sau khi qua cầu Thầy mới hồi phục lại ý thức, không biết mình chạy bằng cách nào mà qua được cây cầu khi ấy.

Cũng vào năm đó, lúc còn là học sinh khi nghe thầy giáo giảng đề tài “Vạn vật chuyển vận trong không gian,” Thầy đã ngộ lý vô thường và nung nấu chí nguyện xuất gia. Mãi đến đầu năm 1986 Thầy mới từ giã cuộc sống đời thường đến Thiền viện Thường Chiếu xin công quả xuất gia tu học.

Đến ngày mùng 8 tháng 12 năm 1986, ngày Đức Phật thành đạo thì Thầy được chính thức xuất gia tại Thiền viện Thường Chiếu. Hòa thượng Bổn Sư là thượng Thanh hạ Từ cho pháp danh là Thích Tuệ Hải.

Sống trong Tăng đoàn được phân công tác là trồng rau cuốc đất, nhưng ý chí xuất trần mãnh liệt, quyết tâm phá vỡ sanh tử thể nhập chân lý. Trải qua nhiều ngày tháng, thao thức ngày càng mãnh liệt, cho đến ngày 7 tháng 7 năm 1997, khi nghe Hoà

thượng Ân sư giảng Trung Quán Luận đến câu: “Không thọ là Niết Bàn” thì ngay khi ấy Thầy liền dứt bật tất cả những hiểu biết xưa nay, thân tâm rộng suốt, thông thấu tất cả những duyên trần không phải là thân căn trước đây. Kể từ đó, Thầy thấu hiểu được giáo lý, không còn nghi ngờ lời Phật Tổ nữa, thấu hiểu được chân lý, và từ cái thấy biết vượt thoát mọi khuôn sáo, đời sống trở nên ung dung nhẹ nhàng. Ngay khi đó Thầy cảm tác bài kệ nói về sức sống hiện tại của mình:

*Từ nay vui sống ung dung
Rõ ràng mỗi mỗi nơi duyên chẳng làm
Chẳng làm chẳng lộn chẳng sai
Rõ ràng chỉ vậy chẳng sao nói lường.*

Ngày 12 tháng 7 năm 1994 được sự chỉ dạy của Ân sư là Hòa Thượng thượng Thanh hạ Từ cử Thầy về Trụ trì Chùa Long Hương, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày nay.

Ngoài việc hoằng dương chánh Pháp lợi lạc quần sanh, Thầy còn là một vị lương y cứu giúp cho

hiều người bệnh hiểm nghèo, hướng dẫn cho mọi người có đời sống cân bằng thân tâm để khai mở trí huệ, thấu hiểu trật tự thế vũ trụ, đạt được tự do vô biên, công bằng tuyệt đối và phúc lạc cùng tận.

Thầy đã thuyết những bộ Kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Bát Nhã v.v... và các Kinh văn về Thiên tông, Tịnh độ cũng như các Kinh điển của Phật giáo Nguyên Thủy. Tất cả đều thể hiện tính chung nhất của đạo Phật. Tâm nguyện lớn nhất của Thầy là muốn cho tất cả các tông phái của đạo Phật có cái nhìn nhất quán đúng với tinh thần giác ngộ giải thoát như lời Đức Phật dạy: *“Trăm sông đều chảy về biển cả, biển chỉ có một vị mặn, giáo pháp của Ta chỉ có một vị là giải thoát mà thôi.”*



I. DẪN KHỞI

Trong thời quá khứ cách đây đã lâu có Đức Như Lai Thế Tự Tại Vương ra đời. Bấy giờ có Tỳ kheo Pháp Tạng đối trước Như Lai phát ra bốn mươi tám lời nguyện và được Đức Phật ấn chứng sẽ thành Phật hiệu là A Di Đà trong cõi giới Tây Phương Cực Lạc. Lời nguyện thứ mười tám của Đức A Di Đà là như sau: ***“Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín mộ muốn sanh về cõi nước của tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sanh thời tôi không ở ngôi Chánh Giác, trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh Pháp.”***

Cũng từ nguyện này mà chúng sanh mười phương, nhất là trong cõi Ta Bà, lâu nay rất nhiều người muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc. Vì Tây Phương Cực Lạc Đức Phật diễn tả là một cõi nước rất đẹp, rất xinh, được trang nghiêm bởi thất bảo vàng bạc, trân châu, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô,

hồ phách, với lan can bằng bảy báu, nước trong như pha lê, tiếng gió thổi, tiếng suối reo, tiếng chim hót đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Cõi đó toàn là những chúng Thượng thiện nhơn ở, không bao giờ nghe tới tiếng khổ, chỉ hưởng toàn an vui, thù thắng vi diệu.

Cõi đó rất đẹp, rất thanh tịnh và rất trang nghiêm. Tôi nghe tôi cũng muốn về, và tôi nghĩ chắc là pháp hội chúng ta ai cũng muốn về. Chúng tôi cũng mong rằng quý vị sẽ về tới đó.

Trước khi muốn về cõi Cực Lạc, chúng ta phải biết rõ địa chỉ. Quan trọng là chúng ta biết đúng địa chỉ thì sẽ về tới nơi, còn nếu chúng ta không biết chính xác địa chỉ đó thì chúng ta sẽ đi lệch lạc, không tới được Tây Phương Cực Lạc. Thành ra học đạo thì chúng ta phải học cho kỹ. Trong tất cả những Kinh điển đạo Phật có những lời gọi là huyền (nghĩa bóng), có những lời gọi là thật (nghĩa đen). Lời thật thì rành mạch rõ ràng, còn Kinh điển Đại Thừa thì

những lý luận, những lời nói mang tính huyền chú không có thật. Nói chung, Kinh điển Đại Thừa mang tính biểu trưng hơn thực tế. Ví dụ Đức Phật nói thế gian này là khổ gồm có: sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ là lời nói thật, chúng ta cứ y theo đó hiểu nghĩa thì không có sao cả. Nhưng qua Kinh điển Đại Thừa, nếu như chúng ta “y *Kinh điển nghĩa*” thì oan cho ba đời Chư Phật.

Ví dụ khi Đức Phật trước khi thuyết Kinh Pháp Hoa thì từ lông trắng giữa chạn mày của Đức Phật phóng một luồng hào quang, trên soi thấu tới trời Hữu Đảnh, dưới soi thấu địa ngục A Tỳ. Trong khoảng giữa đó thấy có hằng hà cõi nước của chúng sanh, có những cõi các vị Đại Bồ Tát tu hành thành Phật, giáo hóa chúng sanh, sau khi các vị nhập Niết Bàn đã lưu bố xá lợi v.v... Có những người phát tâm Bồ đề, có những người sơ phát tâm Bồ Tát, có những người chúng A La Hán, cho tới những chúng sanh mới phát tâm tu tập. Khi nghe như thế chúng ta

hiểu như thế nào? Có phải Đức Phật phóng hào quang là để thấy chúng sanh các cõi hay không? Nếu chúng ta hiểu như thế là oan cho ba đời Chư Phật. Ý Đức Phật phóng quang là muốn chỉ rằng trong tâm giác ngộ của chúng ta có đầy đủ bốn cõi thánh, sáu cõi phàm. Nếu bây giờ chúng ta không đi theo con đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nữa, không tiếp tục theo những ý niệm xấu nữa, chúng ta chỉ đi theo con đường giác ngộ giải thoát thì chúng ta sẽ khế ứng với trí tuệ vốn có và sẵn đủ của mình.

Trong Kinh Kim Cang, khi Ngài Tu Bồ Đề hỏi Đức Phật: *“Người thiện nam tử, thiện nữ npon phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?”* Đức Phật nói: *“Không nên trụ sắc sanh tâm; không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm; ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.”* Và *“Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình mà thật không có chúng sanh được diệt độ.”* Trong đó Đức Phật kể có chín

loài chúng sanh: loài sanh bằng trứng, loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hóa sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng có tướng, chẳng không tướng.

Loài thai sanh là loài được sanh bằng thai, có thai là hiện tướng liền. Như loài người sanh ra là có hình người liền. Những loài có vú như loài heo, loài bò, loài chó có thai là hiện tướng liền. Loài noãn sanh là loài sanh bằng trứng như chim, cá ... Đức Phật nói độ vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình mà không có chúng sanh thật được diệt độ.

Ngài Địa Tạng cũng nguyện: “*Địa ngục vị không thệ bất thành Phật,*” tức là địa ngục chưa sạch hết thì Ngài thề không thành Phật. Nếu còn chúng sanh nào sanh tử là Ngài thề không chứng Bồ đề. Không phải chỉ có ngài Địa Tạng mà tất cả Chư Phật cũng có nguyện đồng như thế. Như Đức Phật Thích Ca chứng Phật quả đến nay hơn hai ngàn năm

trăm năm rồi mà mình còn neho nhóc ở đây. Heo, chó, bò, gà, ngựa, chim chóc còn đầy trong cõi này, Đức Phật vẫn chưa độ được cho con vật nào thành Phật cả mà Đức Phật đã thành Phật rồi thì chúng ta hiểu như thế nào về chuyện này? Đức Phật nói đúng hay sai? Vậy độ tận chúng sanh đều thành Phật ở đây là độ tận chúng sanh ở bên ngoài hay độ tận chúng sanh ở trong tâm của mình? Chúng ta nói lòng vòng như vậy để chúng ta nói đến lời nguyện thứ mười tám.

Khi chúng ta đọc Kinh điển Đại Thừa thì không thể nào y văn tự hiểu nghĩa. Nếu chúng ta y văn tự diễn nghĩa như ý ở trên, coi chừng chúng ta hiểu lệch ý của Đức Phật. Nếu chúng ta thực hiện theo cái nhìn lệch lạc đó thì sẽ đi sai với chánh Pháp, và điều đó sẽ không có kết quả tốt đẹp cho việc tu tập của chúng ta.

II. ĐI TÌM ĐÚNG ĐỊA CHỈ CỦA TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC

“Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín mộ muốn sanh về cõi nước của tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sanh thời tôi không ở ngôi Chánh Giác, trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh Pháp.”

Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu lời nguyện của Đức Phật A Di Đà. “*Lúc tôi thành Phật,*” tức là lúc Đức Phật thành Phật rồi. “*Thập phương chúng sanh,*” là tất cả chúng sanh khắp mười phương pháp giới này. “*Chí tâm tín mộ*” là tâm chí thành tin Đức Phật A Di Đà, hâm mộ thương mến Đức Di Đà. “*Muốn sanh về cõi nước của tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sanh thời tôi không ở ngôi Chánh Giác,*” có nghĩa là muốn sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của Ngài, thì phải niệm Phật, hẳn đến mười niệm không sanh về cõi của Ngài thì Ngài

thè là không thành Phật, không ngôi ngôi Chánh Giác. Câu này thật rất đúng! Trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh Pháp, còn tất cả chúng sanh niệm Phật đều được về cõi Phật hết.

Khi đọc đến câu nguyện này, chúng tôi hết sức hâm mộ và quyết tâm sẽ tu để về cõi Tây Phương Cực Lạc. Hôm nay chúng ta sẽ nói tới địa chỉ của Tây Phương Cực Lạc, cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm Tây Phương Cực Lạc vẫn ở cố định một chỗ không thay đổi.

Đức Phật nói rất rõ trong Kinh Tiểu Bản Di Đà: “Đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng: Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc. Trong thế giới đó có Đức Phật hiệu là A Di Đà hiện nay đang nói Pháp.” Ngay câu này Đức Phật đang giới thiệu địa chỉ Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta nên nghe kỹ, xác định cho đúng Tây Phương ở đâu và làm cách nào để có thể về đó.

Chúng ta cũng nên mở tầm mắt rộng hơn để tưởng tượng quả địa cầu tròn giữa hư không, và chúng ta đang đứng ở đó. Chỗ chúng ta đang đứng thì phía mặt trời mọc là phương Đông, chỗ mặt trời lặn là phương Tây, đúng không? Bây giờ đang tìm địa chỉ nên phải vẽ sơ đồ và xác định phương Tây là phương nào đối với mình.

Khi mình ngủ thức dậy thấy mặt trời lên, thì theo quan niệm bình thường chúng ta cho rằng mặt trời mọc. Nhưng người hiểu biết khoa học thì họ sẽ thấy khác hơn nhiều, họ không cho là buổi sáng mặt trời mọc. Mà họ hiểu rằng quả đất đang quay đến hướng mặt trời, mình đang ở hướng không mặt trời rồi xoay lần lần tới hướng mặt trời. Rồi trái đất tiếp tục xoay dần dần cho tới khuất hướng mặt trời là tới chiều, thì mình cho là mặt trời lặn. Và họ xác nhận hướng mặt trời mọc là phương Đông, hướng mặt trời lặn là phương Tây theo nghĩa thông thường của

cõi người. Nhưng sự thật mặt trời không mọc, mặt trời cũng không lặn.

Theo cái nhìn của Kinh điển thì phương Đông, phương Tây của cảnh giới Phật mang một ý nghĩa khác hẳn với quan niệm nói trên. Phương Đông là hướng mặt trời lên, nghĩa là chỗ khởi đầu của sự động hóa, khởi điểm sự vận hành của tất cả sinh hoạt trong một ngày. Đối với chúng sanh chưa đi trên con đường giác ngộ giải thoát theo đạo Phật, còn mãi mê trong tam giới thì phương Đông là phương hướng khởi đầu của tất cả các việc của sinh tử luân hồi.

Khi mặt trời về chiều lặn ở phương Tây nghĩa là kết thúc sự động hoá, chấm dứt sự sinh hoạt trong ngày đó. Nói theo cái nhìn của Kinh điển là kết thúc những mê mờ tối tăm, ngưng dứt mọi sự biến động sinh tử trong tâm thức chúng ta. Chúng ta hiểu đơn giản hướng Đông là sự khởi đầu và hướng Tây là sự kết thúc của dòng tâm thức, kết thúc mọi biến động

trong từng ý niệm của tất cả chúng ta. Còn nếu chúng ta căn cứ theo hướng mặt trời lặn mình đi hoài thì chắc chắn chúng ta sẽ không bao giờ tới được Tây Phương Cực Lạc.

“Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc.” Đức Phật muốn nói tới việc tất cả chúng ta phải làm như thế nào mới có thể tới cõi giới Tây Phương Cực Lạc. Đó là chúng ta phải vượt qua mười muôn ức cõi Phật. Mười muôn ức cõi là con số quá nhiều, người ta không thể tính đếm nổi bằng cái đầu của mình. Vậy mười muôn ức cõi đó ở đâu?

Bây giờ chúng ta sẽ nói đến chúng sanh trong Kinh Kim Cang để hiểu rõ nghĩa này. Đức Phật nói chín loài chúng sanh được sanh ra nơi tâm thức chúng ta. Ở đây chúng ta nói hai loại chúng sanh thôi: loài sanh bằng trứng và loài sanh bằng thai. Chúng sanh noãn sanh sanh ra trong tâm chúng ta là cái gì? Không phải là gà, vịt sanh ra trứng, rồi ấp

một thời gian mới nở thành con. Mà là chúng sanh tâm. Ví dụ như mình ngồi ở đây nghe giảng, ráng nghe rồi hỏi một câu, nhưng vì chưa giảng xong nên chưa hỏi, là chúng sanh noãn sanh sanh ra, trứng chưa nở thành con. Hoặc mình ngồi đây lâu lâu ăn chay một bữa nên mau đói bụng, mình nghĩ chút nữa về ngang chợ mình sẽ ăn một cái gì đó cho no bụng. Nhưng mình còn ở đây chưa ăn, là chúng sanh mới nghĩ ra trong đầu, đến chiều về mình ghé vào ăn, là trứng mới được nở thành con, mới bắt đầu hành động, gọi là chúng sanh noãn sanh sanh ra trong tâm thức của chúng ta.

Còn chúng sanh thai sanh là gì? Ví dụ mình nghe ngựa ở đằng sau liền đưa tay gãi, vừa tác ý là thành hành động liền. Hoặc đang suy nghĩ câu gì mình nói liền, viết liền, đó là chúng sanh vừa sanh ra là thành hình, thành hành động nói hoặc làm, gọi là chúng sanh thai sanh. Đức Phật nói: *“Ta đều khiến vào Vô Dur Y Niết Bàn mà được diệt độ. Diệt độ như*

thể vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình mà không có chúng sanh thật được diệt độ.” Làm được như vậy thì người đó mới có thể an trú và hàng phục được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứ không phải độ con chó, con gà, con chim, không phải như vậy. Như vậy trong Kinh Kim Cang Đức Phật muốn nói tới chúng sanh trong tâm của chúng ta.

Còn trong Kinh A Di Đà, Đức Phật nói vượt qua mười muôn ức cõi, thì chúng ta liền tưởng tượng ở phương Tây là hướng nào đó. Tưởng tượng như vậy là sai. Như trên đã nói, phương hướng ở đây không được minh định theo kiểu đây là Đông, đây là Tây như chúng ta thường nghĩ, mà ở đây chúng ta phải hiểu Tây Phương là sự dừng dứt tất cả mọi hoạt động của tâm thức. Đức Phật muốn nói đến cõi tâm của mình, khi chúng ta dứt trừ được mười tập nhân đau khổ thì tâm chúng ta hoàn toàn an vui tịch lặng, cũng gọi là Niết Bàn. Nói cách khác là

phải dứt trừ mười tập nhân thì chúng ta sẽ đến Tây Phương Cực Lạc.

1. Mười tập nhân dẫn đến đau khổ

Mười tập nhân dẫn đến đau khổ gồm có: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến. Trong Kinh A Di Đà, Đức Phật nói chúng ta phải vượt qua mười muôn ức cõi Phật tức là phải vượt qua mười tập nhân đau khổ này mới về đến Tây Phương Cực Lạc.

Muôn ức cõi tham: Ví dụ sáng nay đi ra đường thấy gần nhà mình người ta mới làm một ngôi nhà ngói to đẹp, còn nhà mình thì nhỏ bé lẹp xẹp, trong tâm mình cảm thấy không vui. Hoặc thấy người bạn lúc nào cũng xúng xính trong bộ quần áo màu trang nhã, hợp thời trang, chân đi giày đắt tiền, cùng mái tóc kiểu dáng đẹp, hợp với khuôn mặt trái xoan, thế là mình khởi ý niệm muốn có những thứ ấy, và rồi ý niệm tham ấy không chỉ một ngày mà nó ngự trị trong tâm khảm chúng ta cả một chuỗi thời

gian dài sau đó và rồi nó đã hình thành trong ta muôn ức cõi *tham*.

Muôn ức cõi sân: Lại có những chuyện không vừa ý chúng ta. Ví dụ đạo tràng tổ chức xe đi chùa Long Hương nghe giảng Pháp, hôm qua nói thu tiền năm mươi ngàn đồng một người, nay thu năm mươi một ngàn. Khi thu tiền thì hứa sắp cho mình ngồi đằng trước, bây giờ nhét mình ngồi tuốt đằng sau. Những chuyện bất như ý lúc đó gây cho mình những khó chịu, bực bội, sân hận rồi tạo cho mình những khởi niệm bất an kéo dài từ ngày này qua tới ngày nọ, thì đó gọi là muôn ức cõi *sân*.

Muôn ức cõi si: Rồi đừng chuyện chúng ta không biết đến sự thật rõ ràng của những điều này. Ví dụ mắt thấy sắc mà chúng ta khởi niệm phân biệt là chúng ta không thấy đến sự thật của nó, tai nghe tiếng mà chúng ta phân biệt là chúng ta thấy mù mịt, thấy điên đảo, thấy thị phi, không thấy đúng sự thật, không nghe đúng sự thật, không hiểu đúng sự thật.

Chúng ta thấy liên tục, từng khoảnh khắc chúng ta thấy một sự việc, từng khoảnh khắc chúng ta nghe một âm thanh, nhưng cái thấy nghe nơi lục căn của chúng ta từ giờ này qua giờ kia không phá màn vô minh, mà lại thấy bằng cái đúng sai, thấy bằng cái phân biệt, phải trái, hơn thua, hay dở. Đây là thấy trong vô minh lằm lặc, từ ngày này cho tới ngày kia, là muôn ức cõi *si mê*.

Muôn ức cõi mạn: Rồi mình thấy mình hơn mọi người, cho rằng nói thì nói vậy chứ họ không bằng tôi đâu, tôi tu còn hơn ông đó nhiều. Mình ngầm cho là như vậy. Có những khi mình thấy người ta làm được chuyện đó, mình thì chưa làm được nhưng mình vẫn cho rằng tại không đủ duyên thôi, chứ nếu có dịp tôi làm còn ngon hơn. Cái tâm ngạo mạn đó của mình không bao giờ thấy ai bằng mình hoặc hơn mình, mình luôn luôn là số một, mình là trung tâm điểm của vũ trụ. Thậm chí tới việc mình tu không ra gì, mình vẫn xưng mình là thánh là

thần để người ta kính trọng nể phục; đây là tâm đại ngã mạn. Cái mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn là tất cả những cái thuộc về mạn. Như người ta hơn mình gấp một triệu lần, nhưng mà mình nói ông chỉ nhích nhích hơn tôi thôi, chứ để tôi làm chưa chắc gì ông hơn tôi. Tâm niệm ngã mạn sanh ra trong tâm thức chúng ta từ lúc này cho tới lúc khác, đó gọi là muôn ức cõi *mạn*.

Muôn ức cõi nghi: Hoặc chúng ta đọc một quyển Kinh, mình không đủ sức hiểu hết lý luận Kinh điển Đại Thừa nên mình tự động sinh nghi. Chúng ta nghi nơi Pháp, chúng ta nghi bản thân mình. Thiên tông dạy rằng ai cũng có khả năng thành Phật, ai cũng có khả năng ngộ đạo, mình nghe mình nghi và cho rằng các vị đó đại căn, đại cơ nên mới ngộ đạo, còn mình thì không chắc rồi, mình không có khả năng đó. Chúng ta tự nghi mình, nghi Pháp, nghi đủ thứ. Ngay cả khi ai rủa mình hùn hạp làm ăn, mình nghi không biết thiệt hay giả, hay họ

dụ mình để lấy tiền. Đụng cái gì chúng ta cũng nghi nghi ngờ ngờ, không tin, không quả quyết, không thấy được sự thật. Đó là muôn ức cõi **nghi**.

Muôn ức cõi thân kiến: Rồi chúng ta thấy thân mình là thiệt, nói gì thì nói chứ đụng tới nó cũng khổ, cũng đau, cũng buồn, cũng đói bụng, cũng khát nước, cũng ăn, cũng ngủ, nó thật rõ ràng, cho tới chết vẫn thấy thân mình quý báu. Mình đang quý trọng, đang lo lắng tới nó. Đó là muôn ức cõi **thân kiến**.

Muôn ức cõi biên kiến: Rồi chúng ta thấy bên đây, thấy bên kia, thấy thường, thấy đoạn. Ví dụ chúng ta thấy có mình, có người là rớt vô biên kiến. Thấy bên này đúng, thấy bên kia sai, thấy bên này phải, thấy bên kia quấy là thấy biên kiến.

Hoặc là đối với những ý niệm khởi ra nơi tâm, chúng ta cho rằng bây giờ mình là người tu thì mình phải đoạn trừ, và do công phu thiền định mà giết được một vọng niệm, giết được hai vọng niệm,

trừ khử không cho khởi bất kỳ một ý niệm nào. Nếu mình có kiến giải đó là thuộc về đoạn kiến của ngoại đạo. Hoặc mình thấy cái gì cứ còn hoài, như làm người thì làm người hoài, có chết đi nữa sanh đời sau cũng làm người, mãi mãi mình là người chứ không có thay đổi theo thời gian và không gian, thì đây là cái thấy thường kiến. **Biên kiến** là cái thấy hai bên, là cái thấy rớt vào đoạn hoặc rớt vào thường.

Muôn ức cõi kiến thủ: Rồi do cái thấy sai lệch đó, do cái học hiểu qua kinh nghiệm diệt trừ vọng niệm kiêu đó, kiến thủ phát sanh dựa vào việc bây giờ mình đã ngồi thiền lâu ngày lâu năm và dựa vào công phu tu hành của mình. Nếu mình có thể nhiếp tâm được trong một tiếng đồng hồ, ý niệm không có khởi lên, thì cho rằng do ngồi thiền mà mình đê được vọng niệm. Ai nói là mình cãi, do tại mình đã thành công diệt trừ được hết tất cả ý niệm, nên mình chấp cho là đúng, là chấp cái thấy biết của mình nên gọi là **kiến thủ**.

Muôn ức cõi giới cấm thủ: Rồi khi chúng ta thọ nhận giới, mình tuyệt đối giữ giới này không cho phạm dù một mảy may. Với đạo Phật thì điều này đúng với chánh Pháp, không có gì là sai nhưng đó là chúng ta chấp trước, bảo thủ về giới pháp, về giới luật. Có những giới Đức Phật bảo phải khai nhưng mình không khai. Ví dụ giới nói dối, thời chiến tranh người ta rượt bắt tội phạm chạy ngang nhà mình, có người lính rượt theo hỏi mình có thấy tội phạm chạy qua không, mình nói tôi mới thấy nó chạy ngang nó núp trong lùm kia, để họ bắt giết người đó, vậy là chúng ta phạm giới nói dối hay không phạm? Giới luật có khi chỉ là trì, tác là phạm; có khi chỉ là phạm, tác là trì. Chỉ có nghĩa là giữ, và có những trường hợp mình chỉ là giữ giới, trì giới. Nhưng có trường hợp nếu giữ giới đó thì lại là phạm. Trường hợp này chỉ là phạm, vì nếu mình giữ giới, mình nói thật để người ta bắt giết người đó thì là phạm giới.

Giới là “Si La,” được dịch là bảo giải thoát và biệt giải thoát, có nghĩa chúng ta giữ giới nào tức là chúng ta bảo đảm giải thoát giới đó. Giới không phải là giới điều răn cấm chúng ta. Có khi mình giữ đúng nhưng có khi mình phải linh động, khéo léo uyển chuyển để không làm hại người, như vậy là mình giữ giới một cách thanh tịnh. Nhưng chúng ta cố thủ, cho rằng Đức Phật dạy vậy thì tôi phải làm như vậy, người đó núp ở lùm đó là tôi phải chỉ. Giữ giới không phải như vậy.

Ví dụ một vị Tỳ kheo đi ra đường, giới Đức Phật dạy là một vị Tỳ kheo không được quyền đụng tới bất kỳ thân phận của người nữ, hoặc là không cùng người nữ đi chung một đường. Bây giờ gặp một người phụ nữ bị tai nạn té nằm dưới đất, nếu mình không đỡ người đó lên cấp cứu thì một hồi sau nhập thổ sẽ chết. Nếu vì lý do giữ giới mà người ta chết, thì như vậy là phạm.

Hoặc ngoại đạo có giới cấm rất kỳ cục không phù hợp chánh Pháp. Ví dụ theo đạo của họ rồi thì không dám đọc Kinh điển giáo lý các đạo khác. Hoặc có những lời răn cấm, những lời nguyện mà khi đã quy y và đi theo đạo của họ rồi thì không được quyền đọc Kinh điển đạo Phật. Như vậy là rớt vào sự bảo thủ về giới pháp, gọi là kiến thủ giới cấm thủ. Có những giới cấm chúng ta thủ giữ nhưng thực sự chúng ta đang phạm. Đó là muôn ức cõi ***giới cấm thủ***.

Muôn ức cõi tà kiến: Tà kiến là cái thấy sai lầm trong cuộc sống này. Chúng ta theo những giáo lý, những cách thức, những sự việc không phù hợp chánh Pháp. Ví dụ chúng ta tin có cõi nào đó, có một vị Phật nào đó cứu thoát chúng ta về cõi của Ngài trong khi chúng ta vẫn còn đầy dẫy những phiền não. Tin như vậy là hoàn toàn phi báng nhân quả, như vậy là chánh kiến hay tà kiến? Ai vẫn còn lòng tin đó thì đây là ***tà kiến***.

2. Phương pháp dứt trừ mười tập nhân để đến Tây Phương Cực Lạc.

Những điều được giải thích như trên là mười tập nhân để đưa chúng ta tới khổ đau. Là Tập để trong Tứ Diệu Đế. Ở đây Đức Phật dạy chúng sanh vượt qua mười muôn ức cõi Phật ở phương Tây thì sẽ đến cảnh giới Cực Lạc, vậy điều này nghĩa là gì? Là chúng ta phải vượt qua được mười muôn ức cõi tham, cõi sân, cõi si, cõi mạn, cõi nghi, cõi thân kiến, cõi biên kiến, cõi kiến thủ, cõi giới cấm thủ, cõi tà kiến, thì mới tới Tây Phương Cực Lạc.

Đức Phật nói rất chi li trong câu nói này. Tức là vượt qua mười muôn ức cõi ở phương Tây, vượt qua mười tập nhân đau khổ và dừng dứt, không còn bất kỳ sự móng khởi nào nữa nơi tâm. Tức là dứt trừ cõi tham, cõi sân, cõi si, cõi mạn, cõi nghi, cõi thân kiến, cõi biên kiến, cõi kiến thủ, cõi giới cấm thủ, cõi tà kiến, không để cho chúng còn khởi động lại nữa. Phải để cho chúng nghỉ ngơi hoàn toàn, không

động đây nơi tâm thức mình nữa. Dứt trừ mười tập nhân đau khổ, sẽ đạt tới cảnh giới Niết Bàn của Diệt đế là đế thứ ba trong Tứ Diệu Đế. Vậy bằng cách nào để có thể đưa tất cả chúng sanh tâm về cảnh giới Cực Lạc diện kiến Đức Phật A Di Đà?

Ví dụ trong tâm xảy ra niệm tham, nếu chúng ta dùng Pháp quán là vô thường, khổ, không, vô ngã, quán như huyễn thì bảo đảm là niệm tham này sẽ không hết, nó sẽ còn sanh trở lại. Nhưng khi một ý niệm tham tâm xảy ra thì chúng ta chỉ thuần sự rõ biết móng niệm đang xảy ra, đang chuẩn bị nhóm khởi, đang hiện hành, nó bắt đầu yếu dần, cho tới khi niệm tham này lặn đi. Chúng ta chỉ thuần túy rõ biết một cách rõ ràng như vậy thôi.

Lúc đó nếu chúng ta còn dụng công thì không phải là Phật, Phật không có gia công, Phật chỉ rõ biết và không tác ý. Không có dụng công mà không cái gì có thể lọt qua cặp mắt Đức Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi, nơi tâm chúng ta bao nhiêu ý niệm nhỏ nhiệm

xảy ra, nếu chúng ta đều giác biết một cách rõ ràng và thuần sự giác biết rõ ràng như vậy thôi, không thêm không bớt, thì chúng sanh đó sẽ tự động về tới Tây Phương. Và chúng sanh đó sẽ được Đức Phật giáo hóa, mới được gọi là ở trong cõi giới của Đức Phật, được gọi là Phật thấy, Phật biết và Phật độ.

Như vậy sẽ ở trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc trong từng phút giây. Tây Phương Cực Lạc trở thành cảnh giới hiện tiền trong từng bước đi, từng hơi thở, từng nhịp sống của chúng ta, chứ Tây Phương Cực Lạc không phải ở đâu cả. Nếu từng ý niệm nhỏ mà chúng ta rõ ràng giác biết như vậy, thì trong đi đứng nằm ngồi chúng ta luôn ở Tây Phương Cực Lạc. Đừng nghĩ khi chết mới được về đó. Mà bây giờ từng giờ, từng phút, từng giây, chúng ta sống trong an nhiên, trong tịch lặng, rõ ràng, sáng biết thì từng giờ, từng phút, từng giây chúng ta đang ở trong cảnh giới Cực Lạc.

Đức Phật không gọi Niết Bàn mà Đức Phật gọi là Cực Lạc, là một từ ngữ khác của Niết Bàn mà thôi. Như vậy là chúng ta có địa chỉ rồi phải không?

Vậy muốn tới Tây Phương Cực Lạc thì phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ, điều này rất rõ ràng, và đó là địa chỉ rất chính xác mà Đức Phật đã nói cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm. Chúng tôi thích đoạn này lắm, vì mở đầu ở đây đã thể hiện rõ ràng tinh thần Nguyên Thủy, Đại Thừa Phật giáo, Thiên tông và Tịnh Độ tại đây.

Khi một người đã vượt qua mười muôn ức cõi, nghĩa là dứt trừ mười tập nhân đau khổ rồi thì họ sống trong an lạc Niết Bàn, vì mầm mống khổ đau không còn nữa thì chỗ đó mới gọi là Cực Lạc. Ngoài việc dứt trừ mười tập nhân đau khổ thì không thể tìm Cực Lạc ở đâu mà ra. Không có cõi nào có Cực lạc ngoài việc dứt trừ mười tập nhân đau khổ.

Chúng ta nói tôi nguyện hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc, có nghĩa là nguyện dốc hết tâm trí

tu hành để dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Nếu mình không dốc lòng tu tập dứt trừ mười tập nhân đau khổ, thì không cách nào tới Tây Phương Cực Lạc được vì đã đi sai địa chỉ. Địa chỉ là bản đồ, là con đường đi thênh thang rộng mở cho chúng ta. Ngày nào, giờ phút giây nào chúng ta muốn tới Tây Phương Cực Lạc thì ngày giờ phút giây đó, chúng ta phải làm sao tu tập để dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Còn ai bỏ qua chuyện này mà nói mình làm điều gì để tới Tây Phương Cực Lạc thì không thể được. Đó là địa chỉ chính xác đã hơn hai ngàn năm trăm năm nay chưa thấy Đức Phật dời đi, chưa thay đổi vị trí địa chỉ này.

“Ở cõi Tây Phương Cực Lạc đó, Đức Phật A Di Đà hiện đang nói pháp.” Đức Phật A Di Đà tiếng Phạn dịch là “A Mi Ta,” dịch tiếng Việt là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang là ánh sáng vô lượng trùm khắp pháp giới mười phương, không có chỗ nào ánh sáng không tới. Hang cùng ngõ hẻm, trên

thấu đến trời Hữu Đảnh, dưới thấu đến địa ngục A Tỳ, thì ánh sáng vẫn soi thấu, vì đây không phải là ánh sáng bình thường. Còn tuổi thọ vô lượng vô biên không thể tính kể được gọi là Vô Lượng Thọ. Chúng ta đã từng đọc Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc các bản Kinh Đại Thừa, hoặc học Thiền thì chúng ta hiểu Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang là cái gì rồi. Gần đây Hòa Thượng Tịnh Không dịch ‘A’ nghĩa là vô, ‘Di Đà’ là lượng, ‘Phật’ là giác. Niệm A Di Đà Phật là niệm Vô Lượng Giác của chính mình.

Một người khi phát tâm hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc, là phát tâm tu tập để dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Nếu chúng ta là người đang học Phật, đang niệm A Di Đà Phật là chúng ta nhớ, nghĩ, sống bằng A Di Đà Phật. Liên tục trong tâm chúng ta nhớ nghĩ A Di Đà Phật, lúc nào mắt chúng ta thấy là A Di Đà Phật hiện tiền, tai chúng ta nghe cũng là A Di Đà Phật hiện tiền, mũi chúng ta ngửi cũng là A

Di Đà Phật hiện tiền ... Nghĩa là Vô Lượng Giác hiện tiền nơi mắt, hiện tiền nơi tai, hiện tiền nơi mũi, hiện tiền nơi lưỡi, hiện tiền nơi thân, hiện tiền nơi ý. Là trong tất cả những khoảnh khắc mà mình đang sống ở đây đều sống trong cái Vô Lượng Giác, gọi là niệm A Di Đà Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức cũng niệm A Di Đà Phật.

Lúc niệm mà còn bực bội là lúc đó quên niệm rồi. Không có nghĩa niệm A Di Đà Phật là chấp trì niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ... mà cách niệm đúng đắn là không bao giờ rời A Di Đà Phật, và đây còn hơn cả cái được gọi là nhứt tâm bất loạn. Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà nghĩa là A Di Đà Phật hiện tiền nơi lục căn của mình, A Di Đà Phật hiện tiền nơi cái thấy, nghe, hay biết của chính mình. Thấy là giác, nghe là giác, nghĩ là giác, nếm là giác, không còn chuyện thứ hai để làm, gọi là *“Niệm danh hiệu của Đức A Di Đà.”*

“*Thập phương chúng sanh, chí tâm tín mộ, muốn sanh về cõi nước của tôi, nhĩn đến mười niệm, nếu không được sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh Giác.*” Đây là một câu nói mà chúng ta có thể quý đánh lễ vì nguyện này quá đúng, quá hay! Nên giờ phút nào mình cũng muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc. Đó là sự thiết tha tu hành của tất cả những người tu theo đạo Phật. Có ai tu muốn còn sân, còn si không? Dù người tu mới, người tu lâu, người tu sâu, người tu cạn thì cũng muốn mình làm sao hết tham, sân, si. Tu Nguyên Thủy Phật giáo cũng có thể phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc, vì thật sự ở đây Đức Phật nói rằng muốn về Tây Phương Cực Lạc thì phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Tây Phương Cực Lạc là từ ngữ khác của Niết Bàn mà thôi. Theo chúng tôi thì Kinh Tiêu Bản Di Đà là bản Kinh Đức Phật diễn dịch về Tứ Diệu Đế một cách vi diệu.

3. Tiêu chuẩn để về đến thế giới Tây Phương Cực Lạc

Trong Tiểu Bản Di Đà cũng có một đoạn Đức Phật nói tiêu chuẩn của người sanh về Tây Phương Cực Lạc: *“Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào nghe nói Đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhứt tâm bất loạn, thời người đó đến lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra ở trước người đó. Người đó lúc chết, tâm không điên đảo, liền đặng sanh về cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.”* Thiện nam tử đó khi lâm chung tức khắc được sanh về Tây Phương Cực Lạc. Đó là câu nói hết sức Thiên chớ không phải bình thường. Người tu Thiên phải nên đề lên bàn thờ mà thờ để cung kính lễ lạy chứ không thể xem thường.

Đức Phật nói: *“Xá Lợi Phất! Chẳng có thể dùng chút ít thiện căn, phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi đó.”* Chúng ta thiện căn phước đức nhân duyên bao lớn mà đòi sanh về cõi Phật? Muốn về đó thì phước đức không thể nhỏ được. Đức Phật ra thêm một tiêu chuẩn nữa là phải *“Chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhưt tâm bất loạn, thời người đó đến lúc lâm chung, Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mặt.”* Chết không có nghĩa thông thường là bỏ cái mạng này như hàng tỷ người đã chết, mà chết ở đây là chết cái thân ngũ uẩn. Thân mình khi chết chỉ là chết cái sắc uẩn thôi, còn thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn vẫn còn nguyên, là người đó chưa chết, chỉ thay đổi sắc thân mà thôi. Đây chỉ là sự hiểu lầm của từ ngữ, chứ thật ra chết chỉ là sự thay đổi của tứ đại thôi, chưa phải chết. Nhưng ở đây khi Đức Phật nói chết là chết thiệt, thọ uẩn cũng phải chết, tưởng uẩn cũng

phải chết, hành uẩn cũng phải chết, thức uẩn cũng phải chết, tức là chết luôn cái thân ngũ uẩn. Kinh Bát Nhã nói “*ngũ uẩn giai không độ tất cả khổ ách.*”

Khi một người niệm Phật từ một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày chấp trì danh hiệu cho tới nhứt tâm bất loạn thì nhất định phải chết. Chết cái thân ngũ uẩn này, và tới phút chuẩn bị chết thân ngũ uẩn thì “*Phật A Di Đà cùng chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền.*” Đây là một câu nói tuyệt vời.

Phật A Di Đà hiện ra là Vô Lượng Giác của mình hiện ra. Nghĩa là hành giả đó sống trong cái Vô Lượng Giác, hoặc Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang chứ không còn sống theo tâm thường của một chúng sanh nữa. Khi Vô Lượng Giác hiện ra thì sao? Trước khi Phật A Di Đà hiện thì chúng ta còn có thể nghĩ phải, nghĩ quấy, nghĩ đúng, nghĩ sai, nghĩ hay, nghĩ dở. Khi còn thương, còn ghét, còn

buồn, còn giận thì đây là chúng sanh. Nhưng khi A Di Đà đã hiện hữu rồi thì cái thấy cũng là Phật, cái nghe cũng là Phật, cái nghĩ cũng là Phật, cái nếm cũng là Phật, cái suy nghĩ cũng xuất phát từ Phật, cho nên mọi ý niệm đều là ý niệm giác ngộ giải thoát, và vì vậy mà gọi là “*chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền.*” Có nghĩa là mọi ý niệm của mình lúc nào cũng thánh thiện, giác ngộ, chứ không phải là sự vướng mắc khổ đau nữa. Và khi chết thì trong tích tắc được sanh về Tây Phương Cực Lạc. Nếu tu tập được như vậy thì thậm chí ngay cả khi chưa chết cũng đã sanh về đó rồi.

Tóm lại, tất cả chúng ta muốn đến địa chỉ Tây Phương Cực Lạc thì thứ nhất là phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ, thứ hai là phải sống bằng Vô Lượng Giác. Thấy bằng Vô Lượng Giác, nghe bằng Vô Lượng Giác, nghĩ bằng Vô Lượng Giác, nếm bằng Vô Lượng Giác ... Đó tức là chúng ta đang niệm A Di Đà Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta

không làm mê ở duyên cảnh nữa. Tất cả cái thấy biết của thế gian không còn nữa với chính mình. Tại vì sao? Tại vì nơi lòng chúng ta tràn ngập cái vui vì đã dứt trừ mười tập nhân đau khổ, tràn ngập phúc lạc, chứ đây không phải là an lạc bình thường nữa. Chỗ đó gọi là Tây Phương Cực Lạc.

Tâm tịnh chính là Phật độ tịnh. Khi tâm chúng ta dứt trừ mười tập nhân đau khổ là chúng ta đã ở cảnh giới Tịnh Độ, chứ không phải đi đâu khác cả, và cõi Ta Bà này biến thành Tịnh Độ. Nếu đã vượt qua mười muôn ức cõi Phật của tâm rồi, thì không cần phải niệm A Di Đà Phật mà A Di Đà Phật cũng hiện hữu, và tâm chúng ta luôn luôn tràn đầy phúc lạc, chứ không phải là sự an lạc như bình thường nữa. Hành giả đó đạt tới cảnh giới dứt trừ mười tập nhân đau khổ, và đã chết thân ngũ uẩn này rồi. Cho nên đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức đều là A Di Đà Phật. Ở đây niệm không phải là nhớ nữa, mà đã nhập vận thành A Di Đà Phật rồi. Vì bảy ngày

nhứt tâm bất loạn thì thân cũ cha mẹ sanh đã chết, được sanh trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Một thoáng chết những cái cũ, chết mười tập nhân đau khổ, chết thân ngũ uẩn, được sanh trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc nghĩa là chúng ta sống trong an lạc, trong phúc lạc toàn triệt, không còn mằm mống khổ đau xảy ra nơi tâm nữa.

“Nhấn đến mười niệm, nếu không được sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh Giác.” Khi Đức A Di Đà phát nguyện hồi hướng rằng nếu chúng sanh dứt trừ được mười tập nhân đau khổ, niệm danh hiệu Phật A Di Đà tức là sống bằng Vô Lượng Giác thì khi chúng ta lâm chung, nếu Ngài không rước chúng ta về Tây Phương Cực Lạc thì Ngài không thành ngôi Chánh Giác. Thật hết sức tuyệt vời.

Nơi tâm chúng ta không còn mười tập nhân đau khổ, chỉ thuần hiện tiền Vô Lượng Giác thì chúng ta ở đâu? Người đạt tới đó thì như thế nào? Là thành Phật rồi. Cho nên đạt được như vậy mà

không thành Phật, thì Ngài thề không ngồi ngòi ngòi Chánh Giác, cho nên đây là điều rất đúng, rất tuyệt vời. Có ai được như vậy mà không thành Phật không? Ai được như vậy cũng đều thành Phật cả.

Đức Phật nói tiếp: “*Trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch.*” Tội ngũ nghịch là tội rất lớn, không thể về Cực Lạc Tây Phương. Tội ngũ nghịch là phá hòa hợp tăng, giết cha giết mẹ, làm thân Phật ra máu sẽ đọa địa ngục A Tỳ, gọi là Vô gián địa ngục là không gián đoạn sự khổ đau hành hạ người đó. Ví dụ đưa vô chảo dầu sôi nấu tan thân cho nát rồi gom thân lại nấu tiếp cho thân tan nát ra nữa. Hoặc là ở địa ngục hàn băng lạnh cóng cho tới đông máu, đông thịt lại chết, rồi cho vào chỗ nóng để sống trở lại, rồi lại cho lạnh cóng đông máu lại chết. Hoặc đưa vô cối xay nghiền nát thân, xong gom lại thành người cho vô cối xay nát tiếp tục ... Liên tục, liên tục không dừng gọi là Vô gián địa ngục. Sự khổ đau liên tục không

dùng dứt nơi tâm người này nữa, thì không thể về Tây Phương Cực Lạc được.

Đức Phật nói nếu niệm được như vậy, sống được như vậy, dứt trừ mười tập nhân đau khổ như vậy thì mới về Tây Phương Cực Lạc. Còn người luôn tạo ác ngay khi giết cha giết mẹ, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật chảy máu, giết A La Hán thì ngay khi đó phải ở địa ngục A Tỳ. Ở đây Đức Phật còn trừ ra, tức là Đức Phật muốn dạy rằng tạo ác phải có quả báo, chứ không phải niệm mười danh hiệu là được về liền, cho nên chúng ta nên thấy rõ điều này.

“*Và hủy báng chánh Pháp,*” thì kẻ tạo tội ngũ nghịch không được về thế giới Cực Lạc. Đây là chuyện hết sức quan trọng. Nếu như đối với chánh Pháp mà người đó không tin, thì có thể tu để dứt trừ mười tập nhân nổi không? Chắc chắn không nổi. Do đó người học Phật là phải học đúng Tứ Diệu Đế, và hành đúng Tứ Diệu Đế mới được xem là người có

chánh kiến. Nếu không hiểu Tứ Diệu Đế để tu dứt trừ mười tập nhân đau khổ mà đòi chứng Niết Bàn là người đó không có chánh kiến. Ai trong chúng ta không tin điều này thì xem như người đó hủy báng chánh Pháp, không có lý luận khác. Người đó không thể tới Tây Phương Cực Lạc được, đó là lời Đức Phật đã nói. Nếu không dứt trừ mười tập nhân đau khổ, thì không thể hết khổ, ngay cả cái khổ trần gian này. Nếu nói về nhân và quả thì nhân của trần gian này là còn đau khổ mà lại được quả Niết Bàn thì là trái nhân quả, là hủy báng chánh Pháp. Ngay nơi đây mình không được an lạc, mà đòi được sanh về cõi An Lạc thì phải xét lại chánh Pháp nơi mình còn hay là mất rồi.

Chúng tôi nương ý Phật để nói chỗ này, và chúng tôi mong muốn tất cả những người niệm Phật hãy niệm một cách hết sức chuẩn xác, đúng đắn, nắm vững sơ đồ địa chỉ để đi. Đường lối của Đức Phật dạy rất rõ ràng, không có lầm, nên người học

Phật phải nhìn lại việc học chánh Pháp của mình. Sau khi nói điều này chúng tôi mong rằng mọi người nên phát tâm phát nguyện về Tây Phương Cực Lạc, tôi cũng vậy. Tại vì sao? Vì đời tu của chúng ta mà không vượt qua mười muôn ức cõi này thì chúng ta tu chắc cũng không ra gì và tôi bảo đảm quý vị sẽ không đi đến đâu cả. Vì không vượt qua mười tập nhân đau khổ thì đau khổ vẫn còn nguyên, mà đau khổ còn nguyên thì ôm nguyên cái khổ này đi đâu? Ai giải giùm? Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Thích Ca có giải giùm được không? Nếu Phật Thích Ca giải được thì Ngài đã giải rồi, vì Ngài đã xuống cõi Ta Bà làm người rồi, đã đồng sự nhiếp với mình. Nhưng tuy Ngài đã làm người, nói tiếng người để độ loài người, vậy mà tới giờ phút này mình chưa thoát hết khổ.

Đức Phật Thích Ca đã tới đây và Đức Phật Thích Ca không thể giải quyết cái khổ cho chúng ta vì Ngài đã khẳng định rằng: *“Ta không phải là vị*

thần linh để ban phước giáng họa cho chúng sanh, ta không phải là vị quan tòa để thưởng và phạt các người, mà ta chỉ là vị đạo sư dẫn đường thôi.”

Nghĩa là Ngài đã thấy con đường sáng, con đường đi tới giác ngộ giải thoát và Ngài truyền đạt để mọi người đi theo cũng sẽ được giác ngộ giải thoát thôi.

Đức Phật nói tất cả chúng sanh về cõi nước ta, nếu còn đau khổ thì ta thể không thành Phật. Vì nếu đã vượt qua mười tập nhân đau khổ, thì làm gì còn đau khổ nữa. Mình nghe nói tới Tây Phương Cực Lạc, nghĩ rằng về tới đó là mình lập tức sẽ được hết đau khổ là chúng ta đã nghĩ sai. Nếu trong tâm còn những tập nhân đau khổ thì không thể đi đâu mà hết khổ cả. Còn nếu ở ngay đây mà hết khổ thì đâu cần về Tây Phương Cực Lạc. Cho nên chúng ta phải có đủ chánh kiến nhìn lại chỗ này.

Từ hệ thống Kinh Nguyên Thủy cho đến Kinh điển Đại Thừa, người nào không căn cứ trên nền tảng Tứ Diệu Đế để tu tập thì người đó xem như

hủy báng chánh Pháp của Đức Phật. Xét lại, người muốn phát tâm phát nguyện về Tây Phương Cực Lạc có căn cứ trên nền tảng Tứ Diệu Đế mà tu tập hay không? Nếu chúng ta không căn cứ trên nền tảng này, chúng ta không quyết tâm dứt trừ mười tập nhân đau khổ mà nói mình sẽ được an lạc, thì coi như chúng ta đang lý luận phá chánh Pháp, và chắc chắn không được Phật rước. Vì Đức Phật đã nói, người phá chánh Pháp thì ta không rước về Cực Lạc. Chánh Pháp của Đức Phật Thích Ca cũng như tất cả Chư Phật đều đặt trên nền tảng Tứ Diệu Đế, muốn hết khổ thì phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Đó là chuyện rõ ràng minh bạch, không có giấu giếm gì trong Kinh điển cả. Tất cả những hành giả tu Thiền, tu Tịnh, tu Nguyên Thủy Phật giáo, tu Đại Thừa Phật giáo, các vị cũng nên đứng trên nền tảng Tứ Diệu Đế mà tu tập thì không mang tội hủy báng chánh Pháp. Có như vậy thì chúng ta mới được xem là đang gìn giữ Giáo Pháp. Có như vậy thì mới hy vọng được Đức Phật A Di Đà rước.

Chúng tôi hết sức muốn về Tây Phương Cực Lạc, và chắc chắn trong tất cả các thời khóa tu tập chúng tôi đều hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc. Chúng tôi mong rằng quý vị cũng nên xem xét lại sơ đồ và hồi hướng đúng địa chỉ. Phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc là phát nguyện dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Đang hành Tín, Hạnh, Nguyện tức là chúng ta phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Chúng ta tin có cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta phát nguyện về đó và chúng ta hành đạo bằng cách khi tâm tham xảy ra thì chúng ta phải vượt qua, tâm sân xảy ra thì chúng ta phải vượt qua; si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến xảy ra thì chúng ta phải vượt qua. Và để cho nó ngừng nghỉ, tức là không còn sự hoạt động của mười tập nhân này nữa, thì đó là cõi Tây Phương Cực Lạc. Đó là địa chỉ rất rõ ràng. Chúng tôi mong rằng chúng ta tin lời Đức Phật nói, không có gì sai.

Những người đã niệm A Di Đà Phật từ trước đến nay, chúng tôi mong rằng quý vị cũng nên xem xét lại sơ đồ đường đi của mình, xem lại coi có chuẩn mực chưa, có đúng địa chỉ này của Đức Phật nói không? Nếu chúng ta đang đi đúng địa chỉ này thì xin chúc mừng. Nếu ai đã có đường đi lệch, có nghĩa là không tin rằng dứt trừ mười tập nhân đau khổ mà tới Tây Phương Cực Lạc thì tôi xem đó là người đi lệch. Không tin dứt trừ mười tập nhân đau khổ mà có cảnh giới Cực Lạc là người đã nhận lầm địa chỉ. Không tu theo Tứ Diệu Đế mà nói chứng quả Thánh hiền là người đó phá chánh Pháp. Cho nên Phật A Di Đà từ chối người đó.

Nếu chúng ta còn tiếp tục với kiến giải đó thì chúng ta còn tiếp tục bị Phật A Di Đà từ chối, không cho ở Tây Phương Cực Lạc. Chắc chắn thôi, vì chúng ta hủy báng chánh Pháp mà. Con đường đi Đức Phật đã vạch rất rõ ràng, chỉ bày rất đúng đắn

nên chúng ta phải hành theo thì mới về đến Tây Phương Cực Lạc.

Nếu chúng ta có thời gian nghiên cứu trong hệ thống Kinh điển Tịnh Độ, sẽ thấy nhiều điều rất hay, rất chuyên môn ở trong Thập Lục Quán, Vô Lượng Thọ v.v... Những lý luận trong hệ thống Kinh điển Tịnh Độ là lý luận Kinh điển Đại Thừa, vì vậy chúng ta không thể y theo chữ mà hiểu nghĩa như thông thường, và phải hiểu đây là huyền nghĩa chứ không phải thật nghĩa. Như nhà Thiền nói Đông là phải hiểu Tây thì hy vọng chúng ta sẽ hiểu hết.

Rõ ràng trong hệ thống Kinh Nguyên thủy Phật giáo và Đại Thừa Phật giáo, Thiền tông cũng như Tịnh Độ đều xuất phát từ nguồn mạch của Phật giáo cả, cho nên từ đầu tới cuối không có gì lệch lạc. Người tu Nguyên Thủy Phật giáo cũng phải ở trên nền tảng Tứ Diệu Đế tu tập dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Người tu Đại Thừa Phật giáo cũng như vậy. Người tu Thiền tông mà không hết mười tập

nhân đau khổ thì cũng không giải quyết được gì. Người tu Tịnh Độ cũng không thoát khỏi điều này, người tu Mật tông cũng như thế. Sau khi Đức Phật Thích Ca thành đạo, Ngài tuyên thuyết Tứ Diệu Đế như một bản tuyên ngôn của đạo Phật, tất cả chúng sanh trong cõi Ta Bà này mà không làm đúng với bản tuyên ngôn đó, thì xem như người đó phá chánh Pháp của Như Lai.

Cho nên kể từ lúc Đức Phật Thích Ca thành đạo cho tới ngày Đức Phật Di Lặc ra đời, trong khoảng giữa đó ai không nương theo Tứ Diệu Đế tu tập, mà cho rằng có một Pháp nào hay hơn Tứ Diệu Đế, và nếu họ không bước những bước căn bản dứt trừ mười tập nhân đau khổ mà tin là sẽ thoát khỏi khổ đau, thì xem như người đó đang có kiến giải ngoại đạo, chứ không phải Chánh đạo. Người đó sẽ bị Phật A Di Đà từ chối không cho về Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta phải xác định cho rõ điều này với nhau để thấy rằng việc tu học Phật Pháp có sự thống

niệp trật tự chứ không phải lộn xộn. Ai từ xưa tới giờ đã bỏ qua căn bản của Tứ Diệu Đế mà muốn tu để thành cái gì, thì ngay từ giờ phút này chúng tôi thiết tha kêu gọi hãy nên quay lại, để nhìn vào nền tảng chắc thật của Tứ Diệu Đế mà Đức Phật Thích Ca đã tuyên thuyết hơn hai ngàn năm trăm năm qua, từ đó đến nay chưa hề thay đổi. Giáo lý này vẫn còn tồn tại mãi mãi ở cõi Ta Bà, và khẳng định ngọn đuốc sáng trên con đường đi đến giác ngộ giải thoát, không bao giờ bị lu mờ. Nếu chúng ta nương tựa đúng chánh Pháp, nương tựa đúng Tứ Diệu Đế mà tu tập thì chúng ta không bị lệch đường. Mong rằng chúng ta dù tu Thiên tông, tu Tịnh Độ, tu Mật tông, tu Nguyên Thủy Phật giáo, tu Đại Thừa phát triển thì quý vị cũng đừng có bỏ qua Tứ Diệu Đế.

Chúng tôi nghe một số người nói là không cần làm chuyện gì, khi chết niệm mười câu A Di Đà Phật là về Tây Phương Cực Lạc. Xin thưa rằng điều đó Đức Phật không hề nói, Đức Phật không hề dạy.

Đọc hết hệ thống Kinh điển Phật giáo, Đại Thừa phát triển cũng như hệ thống sách vở Tịnh Độ, chúng tôi chưa thấy chuyện này. Đừng nghĩ rằng không cần phải tu hành cực khổ, cứ sống thoải mái, cứ tạo nghiệp thoải mái, chỉ cần khi gần chết niệm mười câu A Di Đà Phật là được Đức Phật rước về Tây Phương Cực Lạc, cho nên nghe vậy thì ai cũng thích. Chúng ta hiểu như vậy là hiểu lầm ý Đức Phật. Chúng ta đã làm cho người ta hiểu lầm Đức Phật của mình, hiểu lầm Đức Phật Di Đà, hiểu lầm Đức Phật Thích Ca, hiểu lầm Chư Phật mười phương. Không bao giờ có Đức Phật nào tới đây để hủy hoại lý nhân quả, để phá vỡ toàn bộ đời sống đời thường của chúng sanh mười phương pháp giới. Nếu tạo ác cũng hưởng an lạc, ác vô cùng vô tận mà chỉ cần chết niệm mười niệm A Di Đà Phật là được sanh về Tây Phương Cực Lạc, dứt khoát không còn đau khổ nữa thì nhân quả nằm ở đâu?

Chúng ta nên nhớ Đức Phật Thích Ca – người tuyên thuyết bản Kinh này – chưa bao giờ rời nền tảng Tứ Diệu Đế để nói cả. Chúng ta nên hiểu điều này để tỉnh táo trở lại.

4. Ý nghĩa Cửu Phẩm Liên Hoa

Trong giáo lý Tịnh Độ nói những chúng sanh niệm Phật sau khi chết được sanh vào Cửu Phẩm hoa sen trong ao thất bảo ở cõi Cực Lạc. Vậy Cửu Phẩm Liên Hoa ý nghĩa như thế nào, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu.

Thượng Phẩm : có 3

1. Thượng Phẩm Thượng Sanh
2. Thượng Phẩm Trung Sanh
3. Thượng Phẩm Hạ Sanh.

Trung Phẩm: có 3

4. Trung Phẩm Thượng Sanh
5. Trung Phẩm Trung Sanh
6. Trung Phẩm Hạ Sanh

Hạ Phẩm: có 3

7. Hạ Phẩm Thượng Sanh

8. Hạ Phẩm Trung Sanh

9. Hạ Phẩm Hạ Sanh.

Đó là chín tầng bậc của cảnh giới Tây Phương Cực Lạc mà chúng ta an trụ về sống ở đó.

1. Thượng Phẩm Thượng Sanh: Người muốn sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc cao nhất là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Đầu tiên là phải khởi bốn tâm: chí thành tâm, thâm trọng tâm, hồi hướng tâm và phát nguyện Đại Thừa tâm khi tu pháp niệm Phật. Khi lâm chung được thấy Phật và Thánh chúng nhiều vô lượng, tự thân được ngồi trên toà kim cang, chỉ trong một chớp mắt được sanh về Tây Phương Cực Lạc. Ngay khi đó được Phật khai thị, khai mở trí tuệ, chứng Vô Sanh Nhẫn. Trong phút chốc được diện kiến Chư Phật mười phương trình tự, được Chư Phật thọ ký, và trong phút giây

ấy liền trở về Cực Lạc chứng đặng pháp môn Tổng Trì Đà La Ni đến vô số.

Chí thành tâm nghĩa là vừa thành tâm vừa thiết tha tu tập. Đó là điều kiện đầu tiên của tất cả những người tu theo pháp môn nào cũng vậy, không riêng gì pháp môn Tịnh Độ. Không có tâm khẩn thiết thì không thể thăng tiến trên bước đường công phu được, vì gặp khó khăn trở ngại chúng ta sẽ nản lòng lùi bước.

Người tu Tịnh Độ có tâm chí thành về Tây Phương Cực Lạc nghĩa là chí thiết trong từng giờ, từng phút, từng giây, chỉ nghĩ đến việc duy nhất là giác ngộ giải thoát mà thôi, không có việc thứ hai.

Chí thành tâm là tâm chí thành chí thiết phát nguyện về Tây Phương Cực Lạc, không có phút giây nào dừng nghỉ. Người đó hết sức tôn trọng cung kính cõi giới Tây Phương Cực Lạc, vì dứt trừ mười tập nhân đau khổ là mình sẽ tới đó liền. Nếu lúc nào chúng ta cũng muốn dứt trừ tham, sân, si, mạn, nghi,

thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, lúc nào chúng ta cũng không muốn những điều này tồn tại nơi tâm của mình, thì đó gọi là chí thành chí thiết tu tập.

Thâm trọng tâm nghĩa là không phải tu cho có lệ cho qua ngày tháng. Mà đó là cái gì rất thâm sâu, cứ ngấm ngấm và mầu nhiệm ở trong tâm chúng ta. Khiến cho tất cả các thú vui của trần gian không còn hấp dẫn chúng ta được, không có giá trị gì nữa ngoài công phu tu tập. Điều đó trở thành quan trọng nhất trong cuộc đời mình. Pháp môn đó là cái gì tối thượng đối với chúng ta. Với thâm trọng tâm, ngày đêm chúng ta luôn đặt mình trong đạo lý tu học để được giác ngộ giải thoát, không còn việc gì khác nữa.

Thâm trọng tâm nghĩa là khi chúng ta đọc Kinh điển Đại Thừa, chúng ta hiểu thấu lý đệ nhất của kinh văn, hiểu thấu sự thống nhất của Kinh điển Phật dạy. Nói Phật A Di Đà là Vô Lượng Thọ, Vô

Lượng Quang, còn đối với Kinh Pháp Hoa là Tri Kiến Phật, đối với Kinh Kim Cang là Như Lai, đối với Kinh Lăng Nghiêm là Chân Tâm. Tất cả những từ ngữ được mỗi quyển Kinh sử dụng khác nhau nhưng chung quy chỉ có một nghĩa duy nhất là Vô Lượng Giác mà thôi, chứ không có cái gì khác hơn như thế. Vô Lượng Giác này là muốn nói tới ánh sáng vô lượng và tuổi thọ vô lượng chứ không nói tới chuyện thứ hai. Và tâm mình tin chắc như vậy, không ai có thể làm lệch lạc thay đổi được nữa, không bao giờ lui sụt nữa, gọi là thâm trọng tâm của chính mình.

Hồi hướng tâm là tất cả những công hạnh tu hành của mình, đều nhất nhất hồi hướng tới cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Có nghĩa là chúng ta hướng tâm để dứt trừ mười tập nhân đau khổ, hướng tâm để dứt trừ thân ngũ uẩn, hướng tâm để sống bằng Vô Lượng Giác, không có phút giây nào chúng ta rời chuyện này. Thấy bằng Vô Lượng Giác, nghe

bằng Vô Lượng Giác, người bằng Vô Lượng Giác, ném bằng Vô Lượng Giác, tức là chúng ta đang hồi hướng về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, không có ngày giờ phút giây nào chúng ta tạm quên.

Phát Đại Thừa tâm là độ tận tất cả chúng sanh muôn loài của mười phương pháp giới này, không bỏ sót một chúng sanh nào. Chúng ta phải thương yêu và giúp đỡ tất cả chúng sanh muôn loài. Ngày nào còn chúng sanh lầm mê là ngày đó chúng ta muốn phải đến đó để độ họ, không từ bỏ một chúng sanh nào. Và chúng ta thấy rằng mười phương pháp giới này là chung đồng một cõi, cho nên có chúng sanh đau khổ tức là mình đau khổ, ở đây còn đau khổ thì không thành Cực Lạc ở Tây Phương được. Nơi đây phải là Cực Lạc, chúng ta phải biến Ta Bà thành Cực Lạc, để cho tất cả chúng sanh đều được sống trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, đó là phát tâm Đại Thừa.

Người này khi lâm chung thì hằng hà sa số chư Phật xuất hiện và được bước lên tòa sen báu, trong khay móng tay đã diện kiến Đức Phật A Di Đà và tu trong một khoảnh khắc chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn.

2. Thượng Phẩm Trung Sanh: Là người đó được học và tin Kinh điển Đại Thừa. Khi nghe nói về Vô Lượng Giác mà mình cảm, khi nghe mình chấp nhận được, và mình tin nhân quả của Đại Thừa, dứt trừ mười tập nhân đau khổ của mình để mình đạt được cái an lạc kia. Lại niệm Phật hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc và muốn diện kiến Đức Phật A Di Đà. Khi lâm chung thấy một ngàn Hóa Phật và chư Thánh chúng đón, được lên ngồi tòa sen báu bằng vàng tía, trong nháy mắt đến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Sau một đêm, hoa sen nở ra, nhờ Phật mà mắt huệ được sáng. Người này xuống tòa đánh lễ Đức Phật xong, tu thêm một tiểu kiếp nữa mới được chứng Vô Sanh Nhẫn.

Vì người này chỉ tin Kinh điển Đại Thừa, không phát nguyện Đại Thừa như người trước nhưng có tin lý nhân quả. Trong cuộc sống, người đó cũng có tu tập và có hướng tâm quay trở về sống với Tự Tánh chân thật của mình. Sau khi lâm chung cũng được Phật rước nhưng sau một đêm hoa mới nở, được nghe Đức Phật thuyết Pháp, và tu một tiểu kiếp mới được chứng Vô Sanh Nhẫn, mới nhận được Tự Tánh chân thật, mới hòa nhập trong cảnh giới chân thật.

3. *Thượng Phẩm Hạ Sanh*: Người đó tin pháp Đại Thừa mà chưa từng hành. Có nghĩa là tin thôi mà không có làm theo. Tin nhân quả Đại Thừa, nơi tâm niệm người đó niệm Phật cầu vãng sanh. Có nghĩa họ sống bằng Vô Lượng Giác để mong rằng ở chỗ dứt trừ mười tập nhân đau khổ tới Tây Phương Cực Lạc, an lạc cảnh Niết Bàn. Lúc nào tâm niệm của họ cũng muốn về đó. Đến lúc lâm chung Phật A Di Đà hiện ra, cũng được ở tòa sen đó một ngày một

đêm hoa sen mới nở. Trải qua một tuần lễ tinh tấn tu tập mới thấy rõ thân Phật, được thân cận hầu hạ cúng dường Chư Phật, nghe pháp thậm thâm, trải qua ba tiểu kiếp mới chứng được Hoan Hỷ Địa Bồ Tát trong Thập Địa.

4. Trung Phẩm Thượng Sanh: Người này sống bình thường, ăn chay giữ giới, hướng về Cực Lạc. Lúc lâm chung được thấy Phật và chư Thánh chúng hào quang sắc vàng thuyết pháp cho nghe về vô thường, khổ, không, vô ngã. Tự thân lên liên hoa lay Phật, rồi trong lúc vừa cất đầu lên thì thấy mình được sanh về Tây Phương Cực Lạc, tiếp tục học Tứ Diệu Đế, sau đó tu chứng quả A La Hán.

Tầng này tâm thức hơi thấp, chỉ ăn chay giữ giới, chỉ có tâm hướng về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Giữ năm giới nhưng thỉnh thoảng thọ thêm tám giới như thọ bát quan trai. Sau khi mạng chung, được Đức Phật thuyết Pháp cho nghe, tự thân lên hoa sen, được sanh về Cực Lạc. Phải học lại Tứ

Diệu Đế, tuy ở đây không nói rõ thời gian, không biết là bao nhiêu lâu nhưng chắc chắn thấp hơn phẩm vị trước, trải qua thời gian dài mới chứng quả A La Hán.

Điều này rất rõ, nếu chúng ta đời sau được sanh trở lại làm người, chắc chắn chúng ta phải được học đạo trở lại để tu. Vì trong đời này chúng ta cũng học đạo lý quá nhiều, từng ăn chay, giữ giới, có phước báu, đủ tư cách đời sau làm người thì điều này rõ ràng lắm. Cho nên việc được làm người, tiếp tục tu hành, được học Tứ Diệu Đế và chứng quả A La Hán, điều đó không khó.

5. Trung Phẩm Trung Sanh: Người này thường xuyên niệm Phật, giữ giới hạn cuộc một ngày một đêm thật sự thanh tịnh, đem công đức hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc. Sau khi mạng chung vẫn được thấy Phật và chư Thánh chứng sắc vàng, tự thân ngồi tòa sen bảy báu, hoa liên xếp lại tức thì đến ao báu. Sau bảy ngày hoa sen mới nở,

đắc Sơ quả, trải qua nửa tiểu kiếp mới tu chứng được quả A La Hán.

6. Trung Phẩm Hạ sanh: Người này lòng hiếu đạo và nhân từ. Khi gần lâm chung được sự hướng dẫn tu tập của thiện tri thức, tán dương nguyện rộng lớn của Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc. Người này nghe rồi và khi mạng vừa dứt, trong lúc co duỗi cánh tay liền được sanh về nước Cực Lạc. Qua bảy ngày được nghe Bồ Tát thuyết Pháp, đắc được Sơ quả, trải qua một tiểu kiếp mới chứng quả A La Hán.

Giống như mấy ông bà cụ ở đây, lớn tuổi mới đi chùa, mới thọ bát quan trai v.v... Không có công phu tu tập trước đó mà gần cuối đời mới được một số người hướng dẫn tu tập, chỉ có hướng tâm thôi, chưa có quyết tâm tu cho nên chết chưa chắc đời sau gặp ngay Phật Pháp vì tâm đạo yếu quá.

Qua bảy ngày hoa mới nở, là sau một giai đoạn bỏ thân xác, nhờ lòng hiếu đạo mà không bị

đọa, đời sau có thể sanh được làm người nhưng không chắc gì gặp được Phật Pháp. Hoa chưa nở tức là thiện căn người đó không nảy nở trở lại được. Do vậy sau bảy ngày là nói giai đoạn dài, cũng có thể là mấy kiếp mấy đời sau. Còn bây giờ thì cũng được nghe thuyết pháp, cũng được học đạo một vài thời, có nghĩ về chỗ Tây Phương Cực Lạc nhưng không có thiết tha lắm. Chúng tử không lớn trong lòng nên không thúc bách đời sau gặp Phật Pháp liền, mà một thời gian rất dài mới được các vị Bồ Tát giáo hóa, không được Phật giáo hóa.

Có thể đời đó sẽ gặp lại vị khuyến khích mình tu trong đời trước đó và người này có thể tiếp tục giáo hóa mình để mình phát tâm mạnh thêm. Người này có chút thiện tâm hướng về chỗ bất sanh bất diệt kia.

7. Hạ Phẩm Thượng Sanh: Người này tạo nhiều nghiệp ác. Khi lâm chung được nghe Kinh điển Đại Thừa mà người đó tin hiểu, nên diệt được

trọng tội trong ngàn đời ngàn kiếp, rồi chấp tay niệm Phật diệt được trọng tội trong năm mươi ức kiếp nữa. Khi lâm chung thấy Phật và Thánh chúng phóng hào quang sáng, được ngồi tòa sen báu, theo sau Phật đi đến bửu trì, trải qua bốn mươi chín ngày hoa mới nở. Sau đó được các Bồ Tát giáo hóa, học đủ tất cả các Kinh điển Đại Thừa, phát tâm Vô Thượng Đạo và trải qua mười tiểu kiếp mới được đến Sơ địa.

Đây cũng là thiện duyên kỳ lạ. Một người tạo nghiệp ác mà lúc lâm chung lại được sự giáo hóa của các vị Bồ Tát. Không phải là sự giáo hóa ở cõi của mình, mà thân thức của họ lúc chết được sự giáo hóa của chư vị Bồ Tát, học đạo trong cảnh giới khác và được sự tiếp độ của chư vị Bồ Tát.

Điều này muốn nói cái gì? Người này phước duyên rất lớn, có khả năng nhiều đời nhiều kiếp đã gieo duyên lành với Phật Pháp rồi, cho nên đời này dù có tạo tội nhưng cuối đời vẫn được giáo hóa. Họ

cũng có tin hiểu Kinh điển Đại Thừa, trong lúc chết vẫn niệm Phật được, chúng tỏ người đó có thiện căn trước rồi. Mặc dù có thiện căn trước, nhưng tạo tội ác quá nhiều thì sau khi lâm chung được đưa đến bửu trì, trải qua bốn mươi chín ngày hoa mới nở.

Như vậy dù có được chư vị Bồ Tát giáo hóa, dù có chấp tay niệm Phật, dù được thiện căn bao bọc, gìn giữ bảo trì, thì cũng mất một thời gian lâu xa mới học đạo trở lại, thiện căn mới nảy nở trở lại. Ở trong hoa sen là một lối nói rất từ bi của đạo Phật. Ý muốn nói dù chúng sanh có tạo nghiệp ác cỡ nào, Chư Phật cũng sẵn sàng giáo hóa. Được vào trong hoa sen úp lại đem về để ở bửu trì, gìn giữ bốn mươi chín ngày sau hoa sen mới nở ra. Như vậy tạo nghiệp ác thì thời gian rất lâu xa thiện căn mới nảy nở trở lại, mới được gặp các vị Bồ Tát giáo hóa. Trải qua mười tiểu kiếp, là hơn một trăm sáu mươi triệu năm sau mới chúng được Sơ địa.

8. Hạ Phẩm Trung Sanh: Người này thuộc dạng phạm trai, phá giới, ăn cắp của thập phương Tăng, ăn trộm, cướp của ruộng nhà, com áo gạo tiền của người ta, ba nghiệp không thanh tịnh, v.v... Do đó, lúc lâm chung, hình tướng địa ngục hiện ra, trăm ngàn khổ não bức bách, may nhờ thiện tri thức giáo hóa, nói về công đức của Đức Phật A Di Đà và công đức của giới, định, huệ. Người này nghe, bắt đầu sanh một chút chủng tử Phật Pháp. Sau đó được sanh vào hoa sen báu, sáu tiểu kiếp hoa mới nở, được nghe Bồ Tát thuyết Kinh Đại Thừa và mới bắt đầu khởi lên tâm cầu Vô Thượng Đạo.

Như vậy là hơn một trăm ngàn năm hoa sen mới nở. Hoa nở thì mới có một chút tự do, còn hoa chưa nở là bị nhốt trong hoa sen đó. Trong hoa sen đó thì chịu cái gì mình không biết. Đây là điều rất khéo, không nói là bị đọa đày, không nói bị nghiệp phải khổ sở, không nói bị đọa địa ngục A Tỳ, nhưng nói nằm trong hoa sen cho tới sáu tiểu kiếp hoa mới

nở và mới có một chút tự do. Người tạo tội ác như vậy thì không biết bao nhiêu triệu năm bị nhốt trong hoa sen để trả nhân quả. Rất phù hợp với nhân quả nghiệp báo. Được nghe hai vị Bồ Tát Quán Âm và Thế Chí thuyết Pháp, mới phát khởi tâm Bồ đề tin rằng có quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rồi nguyện sẽ được tu về đó thôi, chưa chứng quả gì.

9. Hạ Phẩm Hạ Sanh: Người này tạo đủ tội ác như ngũ nghịch, thập ác v.v... Lúc gần chết, cảnh giới địa ngục A Tỳ bắt đầu hiện ra, may nhờ thiện tri thức giáo hóa niệm Phật, nhưng chưa thể niệm Phật liền được, vì quá khổ quá bức ngặt. Tuy nhiên, do được nhiều người thúc giục mới dốc lòng niệm Phật. Nhất tâm niệm đến lúc lâm chung được Đức Phật rước về cảnh giới Cực Lạc. Trải qua mười hai đại kiếp hoa sen mới nở. Được hai vị Bồ Tát Quán Âm và Thế Chí giáo hóa, học đủ tất cả Kinh điển Đại Thừa, mới phát tâm Bồ đề, mới phát khởi lòng tin Tam Bảo.

Một tiểu kiếp là mười sáu triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn năm, một trung kiếp là hai mươi tiểu kiếp, một đại kiếp là hai mươi trung kiếp, rồi nhân với mười hai nữa là số năm chúng ta không thể tính đếm nổi. Rõ ràng tạo tội ngũ nghịch là đọa địa ngục A Tỳ liền, không cách nào khác được. Mặc dù các vị Bồ Tát rất thương và khởi từ tâm để giáo hóa, nhưng dứt khoát là phải bị đọa trong một thời gian rất dài. Bị nhốt trong hoa sen tới mười hai đại kiếp là thời gian rất dài không thể tính đếm được. Đọa địa ngục A Tỳ là khổ liên tục liên tục không gián cách, cũng gọi là đọa Vô Gián địa ngục; nhưng ở đây tránh né nói điều đó. Tạo ác như thế này thì dứt khoát phải bị đọa, lúc lâm chung thì cảnh giới địa ngục hiện ra, không thể niệm Phật được. Nhưng do nhiều người thúc bách, nhiều người niệm, nhiều người khuyến khích quá nên người đó phải buột miệng niệm. Niệm dù có nhất tâm đi nữa trong giai đoạn trước khi trút hơi thở, thì cuối cùng cũng bị ở trong hoa sen đó tới mười hai đại kiếp, sau đó hoa mới nở. Được các vị

Bồ Tát giáo hóa, bắt đầu học Kinh điển Đại Thừa và khởi lòng tin Tam Bảo rồi mới phát tâm Bồ đề cầu vô thượng giải thoát chứ chưa chứng quả gì.

Điều này giúp chúng ta thấy được tâm từ của Đức Phật, hay nói khác hơn là vốn dĩ Tự Tính đã sẵn có ở chúng ta. Đó là chỗ gốc rễ tất cả chúng sanh quy hướng, dù muốn dù không chúng sanh cũng phải quay về đó. Dù đọa địa ngục A Tỳ đi nữa cũng nằm trong Tự Tính, cũng nằm trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Tự Tính thanh tịnh bất sanh bất diệt của tất cả chúng sanh dù chúng sanh bị sanh tử, bị tạo tội hay không tạo tội, thì trước sau gì cũng phải thoát khỏi thân phận chúng sanh mà quay về với Tự Tính chân thật này. Cho nên mới nói được hoa sen đưa về Tây Phương Cực Lạc.

Có nghĩa là cảnh giới đó luôn ở trong tất cả chúng sanh không mất, dù chúng sanh sanh tử lộn đi lộn lại như thế nào cũng không thoát khỏi Tây Phương Cực Lạc. Tạo tội ngũ nghịch, thập ác đi nữa

vẫn được đưa về Tây Phương Cực Lạc. Mà Tây Phương Cực Lạc là ở trong cõi giới của Tự Tánh, là chỗ yên lặng không còn tất cả vọng thức vọng niệm, tất cả chúng sanh nào cũng phải quay về đó để yên ở. Chúng sanh nào cũng được cứu độ dù tạo tội cỡ nào thì Tự Tánh luôn bao bọc, gìn giữ; khi nào chúng sanh chán con đường sanh tử muốn quay về với Tự Tánh, rũ bỏ đứt khoát con đường sanh tử thì Tự Tánh hiển lộ, nhưng trong thời gian đó thì nhân quả nghiệp báo vẫn phải trả.

Giai đoạn một tiểu kiếp, mười tiểu kiếp thì nhân quả không bao giờ sai chạy, một nhân quả nhỏ cũng phải đền trả cho đủ, không biết trả kiểu nào nhưng không thể chạy trốn nhân quả được. Nếu nói mình giết người ở đây mà tới hồi chết niệm mười câu sẽ được Đức Phật rước về Tây Phương Cực Lạc để gìn giữ, không cho mình trả nhân quả nào, ở đó tu thành Phật luôn thì có được không? Như thế là phá hoại nhân quả.

Ở đây mình định chín phẩm để chúng ta hiểu về tầng lớp sanh về Tây Phương Cực Lạc là những tầng lớp nào. Thật ra đó là cái vòng sanh sử luân hồi được phân định trên chín cấp từ địa ngục, nga quý, súc sanh, trời, người, A tu la, Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Cửu phẩm là chín tầng bậc sanh tử của chúng sanh. Dù sanh tử như thế nào cũng có một ngày chúng ta được thức tỉnh, được giác ngộ. Đó là lời khuyến khích rất chân tình, rất từ bi của Đức Phật. Dù chúng sanh nào trước sau gì cũng được Đức Phật làm cho thức ngộ, quay về được sống cảnh giới yên bình của Đức Phật, để được giác ngộ giải thoát sau này. Đó là lòng bao dung, lòng từ của Đức Phật không bỏ sót một chúng sanh nào. Dù chúng sanh tạo tội cực ác như Hạ Phẩm Hạ Sanh vẫn được Đức Phật đặt trong hoa sen, vẫn được thiện căn bao bọc giữ gìn, tuy họ ở trong đó trả nhân quả kiêu gì thì không nói. Nhưng họ vẫn nhận được lòng từ, sự bao dung, đùm bọc, che chở của Đức Phật, chờ một ngày nào đó mầm thiện căn của họ nảy nở sẽ được

giáo hóa tiếp. Tức là họ phải trả hết nhân quả đã tạo, thì sẽ được sự gọi nhắc của chư Bồ Tát giúp họ quay về với sự giác ngộ giải thoát. Cách diễn tả này của Đức Phật thật hay vô cùng!

Cửu Phẩm Liên Hoa nói lên lòng từ bi của đạo Phật, không bỏ sót bất cứ chúng sanh nào trong tam giới này. Không phải là chín cấp ở cõi kia mà chính là cõi lòng của mình. Từng cấp độ tâm của chúng ta ở ngang tầng nào, thì chúng ta phải chịu nhân quả của tầng đó, chịu sanh tử giải quyết nhân quả đó rồi mới được giác ngộ giải thoát. Tâm chúng ta ở tầng này mà muốn phóng lên tầng kia ở thì khó lắm. Còn một tập nhân nào mà muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thì vô cùng khó. Đó là tiêu chuẩn Đức Phật đã đưa ra là phải vượt qua mười muôn cõi ức, là vượt qua mười tập nhân.

Đến đây chúng ta khẳng định rằng nói về nhân quả nghiệp báo thì Cửu Phẩm Liên Hoa nói rất chi li, rõ ràng, trình tự và chi tiết, không trái với

nhân quả nghiệp báo. Nếu nói tạo ác rồi được Đức Phật rước về bên kia không bao giờ trả nhân quả nữa, là phá đi luật nhân quả của đạo Phật, thì Tịnh Độ sẽ không được chấp nhận ở trong cõi đời này. Nhưng ở đây vẫn nói về trình tự của nhân quả nghiệp báo. Trên nền tảng nhân quả nghiệp báo thì Cửu Phẩm Liên Hoa nói rất tường tận. Và nền tảng tu tập của đạo Phật về Tứ Diệu Đế thì trong Tiểu Bản Di Đà cũng nói rất rõ ràng. Tiểu Bản Di Đà là diễn dịch lại Tứ Diệu Đế theo một hình thức khác mà thôi. Ở đây muốn nói lên chỗ cùng tột của đạo lý là nhận được Tự Tánh bất sanh bất diệt của tất cả chúng sanh, để rồi an lạc giải thoát hoàn toàn.

Người nào chưa có lần được Đức Phật A Di Đà hiện ra, chưa có lần dứt trừ hết mười tập nhân đau khổ thì không thể an lạc được. Đó là điều rất căn bản, không có con đường giải thoát thứ hai ngoài việc dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Còn một chút nào của tập nhân đau khổ thì người đó không bao

giờ tới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên mới gọi là vượt qua mười muôn cõi ức đến Phương Tây, là chỗ tịch lặng, là chỗ dừng dứt tất cả nghiệp tập của chúng ta.

Đó gọi là Cửu Phẩm Liên Hoa trong thế giới Cực Lạc. Thượng Phẩm Thượng Sanh chúng ta không tới nổi rồi, nhưng Thượng Phẩm Trung Sanh có thể chúng ta cũng có phần. Vì chúng ta tin Kinh điển Đại Thừa, chúng ta tin có Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang và tin nhân quả. Tin nhân quả Đại Thừa tức là chúng ta nhận được cái vô sanh, ở cảnh giới vô sanh độ tận chúng sanh chúng quả Bồ đề. Mình tin nhân quả Đại Thừa, tức là đọc tụng Kinh điển Đại Thừa mà chúng ta hiểu được lý đệ nhất nghĩa.

Nếu chúng ta đọc Kinh điển Đại Thừa mà không chê bai, có thể chúng ta đang ở Thượng Phẩm Trung Sanh rồi chứ không đơn giản. Đối với Tây Phương Cực Lạc thì chúng ta cũng không thua gì

những người niệm Phật kia đâu. Tại mình tin chắc có cái Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, có nghĩa là mình đang ở tầng Thượng Phẩm Trung Sanh. Chúng ta dám khẳng định điều đó, vì rõ ràng Đức Phật nói Thượng Phẩm Trung Sanh là người đọc Kinh điển Đại Thừa không có ngờ vực, không có nghi, không có phỉ báng. Khi những người này chết, Đức Phật diễn tả hay lắm, là hoa sen vàng hiện ra, tự mình bước lên hoa sen. Khi về đó chúng ta chỉ bị mờ một đêm thôi, sáng hôm sau liền được thấy Đức Phật A Di Đà. Thật là tuyệt vời.

Cái phút mờ một đêm mà Đức Phật diễn tả trong Kinh là khoảnh khắc chết thân ngũ uẩn, để khi chúng ta mở mắt ra là thấy được Phật A Di Đà liền. Tức là diện kiến được Vô Lượng Giác của chính mình. Vì sao? Vì chúng ta đã dứt trừ được mười tập nhân đau khổ do mình tin tưởng là mình sẽ vượt qua được mười tập nhân đau khổ, mình tin tưởng là mình có Vô Lượng Giác để mình hòa nhập, cho nên

mình phải bị mờ có một phút thôi là liền thấy Phật A Di Đà, tương đương với người tu Thiền triệt ngộ. Đó là Thượng Phẩm Trung Sanh.

Nếu chúng ta cứ tiếp tục phát nguyện hồi hướng dứt trừ mười tập nhân đau khổ về Cực Lạc, thì chắc chắn chúng ta sẽ tới Tây Phương Cực Lạc. Phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ thì mới chắc chắn. Bước thứ nhất là diệt trừ tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, mới tới được Tây Phương Cực Lạc. Bước thứ hai sẽ diệt kiến được Phật A Di Đà. Đó là địa chỉ, là sơ đồ Cực Lạc, chính xác không sai.

Ở đây nêu người nào tin rằng mình có Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, mình có Vô Lượng Giác, mình có cái bất sanh bất diệt, có đủ lòng tin, thì ít ra chúng ta đã từng hành đạo hàng trăm hàng ngàn kiếp rồi, chứ một kiếp không đủ niềm tin đó đâu. Như trong Kinh nói người kia trải qua mấy Đại A Tăng Kỳ kiếp, học hết những căn bản Phật Pháp

mới tin đến chuyện này, mới chúng được Sơ quả thôi. Chúng ta ngồi đây mà tin Kinh điển Đại Thừa Đức Phật nói là đúng, tin thật Tánh bất sanh bất diệt là đúng thì rõ ràng mình là thượng căn rồi. Mình phải tự phong mình đang ở tầng Thượng Phẩm Trung Sanh, tại vì sao? Vì giới luật mình đã giữ, mình ăn chay trường, tin Kinh điển Đại Thừa, tin nhân quả thì đâu phải người tầm thường. Học bữa nay để biết mình thuộc căn cơ nào chứ không đến nổi tệt. Nếu chúng ta tin rằng tâm tịnh tức là Phật độ tịnh, và chúng ta tu làm sao để thanh tịnh tâm mình, để chúng ta tương ứng cảnh giới Phật, tức là chúng ta thuộc căn cơ lớn chứ không có nhỏ.

Trong Tịnh Độ có câu: *“Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm. Bất lao đàn chỉ đáo Tây phương.”* Có nghĩa một câu niệm Phật mà không xen tạp niệm khác, thì không nhọc khảy móng tay là chúng ta đã ở Tây Phương Cực Lạc rồi. Câu nói này hết sức là Thiền.

Thượng Phẩm có ba bậc khác nhau. Bậc thấp nhất là Thượng Phẩm Hạ Sanh thì người này chỉ tin Đại Thừa mà không có hành, cũng tin nhân quả của Đại Thừa, và cũng niệm hồi hướng vãng sanh. Nhưng chưa hành hạnh Đại Thừa là chưa cứu giúp chúng sanh muôn loài, chỉ tu cho bản thân thôi, thì người đó chết cũng được về Tây Phương Cực Lạc. Tại vì sao? Vì nếu phần đầu để dứt trừ mười tập nhân đau khổ thì ai cũng sẽ tới. Căn cơ chúng ta chắc cũng hơn bậc này tại vì chúng ta cũng có giúp người, chúng ta thấy chúng sanh đau khổ và cứu giúp là chúng ta đã hành hạnh Đại Thừa. Còn Thượng Phẩm Hạ Sanh kia không tu hạnh Đại Thừa, chỉ tin thôi, tin nhân quả rồi niệm Phật.

Phẩm dưới chúng ta không bàn, chúng ta chỉ bàn ba phẩm trên thôi: Thượng Phẩm Thượng Sanh, Thượng Phẩm Trung Sanh, Thượng Phẩm Hạ Sanh. Trong ba phẩm này chúng ta chắc cũng dự phần vì chúng ta là người Phật tử quy y, ăn chay trường, tu

tập trọn đời, chuyện này chúng ta đã làm quá nhiều rồi. Như vậy ngay cả nếu chúng ta ở Trung Phẩm Thượng Sanh thì vẫn có thể khi chết được vào hoa sen báu được đưa về Tây Phương Cực Lạc, được Đức Phật thuyết pháp cho nghe, sau đó tu tập chúng A La Hán.

Còn Trung Phẩm Trung Sanh là người giữ giới có một ngày, lâu lâu thọ Bát quan trai một ngày, lâu lâu vô chùa một ngày giữ giới thanh tịnh, niệm Phật hồi hướng Tây Phương Cực Lạc. Người này cũng được sanh Tây Phương Cực Lạc nhưng bảy ngày hoa sen mới nở, tu nửa tiểu kiếp là khoảng 8.500 kiếp chúng quả A La Hán. Khi chúng ta học Cửu Phẩm Liên Hoa rồi mới thấy mình được sanh đi đâu, được cái gì một cách rất rõ ràng.

Trung Phẩm Hạ Sanh là người bình thường ở thế gian, họ chỉ sống tốt ở xã hội, có hiếu đạo với cha mẹ, là người hiền lương, khi nghe được cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thì người này bắt đầu

niệm Phật hồi hướng, khi chết cũng được về Tây Phương Cực Lạc, nhưng bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở ra, tu tập một tiểu kiếp chứng quả A La Hán. Mình quy y Tam Bảo rồi, ăn chay rồi, chắc chắn hơn người này. Ba phẩm dưới chắc chắn mình không có dự phần, vì mình không hủy báng chánh Pháp, mình cũng không tạo ác.

Hạ phẩm là mình không có phần rồi. Nhưng hạ phẩm khi chết thì cảnh địa ngục hiện ra, tuy cũng được sự nhắc nhở niệm Phật, nhưng trải qua nửa tiểu kiếp hoa sen mới nở. Khi hoa sen nở rồi thì được học tất cả căn bản Phật Pháp, tu hành cho tới sáu tiểu kiếp sau mới tin, mới phát tâm Bồ đề, nhưng không có chứng quả gì vì tầng này rất thấp.

Chúng ta học đạo để tự mình kiểm tra trong chín phẩm này, tự động mình biết mình sanh vào đâu. Và bây giờ mình phát nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc. Tôi cũng muốn phát nguyện nữa. Tất cả chúng ta đều phát nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc

và chúng ta bắt đầu hành trì (Tín, Hạnh, Nguyện). Bây giờ tất cả chúng ta đồng nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc, tức là nguyện dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Khi chúng ta tu tập hết mười tập nhân đau khổ rồi thì chúng ta sẽ tới Tây Phương Cực Lạc, và dứt khoát sẽ được diện kiến Đức Phật A Di Đà. Đó là phát tâm phát nguyện của mình.

Bây giờ chúng ta phải hành trì dứt trừ tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, phải cho những điều này ngủ say, không cho chúng hoạt động nữa. Mười tập nhân này yên nghỉ rồi thì mình sẽ tới Tây Phương, nhưng nếu nó còn là mình không thể tới Tây Phương. Thứ hai là Đức Phật từ chối người phá chánh Pháp, người tạo tội ngũ nghịch. Có nghĩa là không tu theo Tứ Diệu Đế mà về Tây Phương Cực Lạc thì coi như người đó đang phá chánh Pháp. Khi nào người đó đủ lòng tin rằng mình phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ mới tới được Tây Phương Cực Lạc, thì người đó

mới không mang tội phá chánh Pháp và mới hy vọng có vé vào cổng Tây Phương. Còn người nào vẫn còn khăng khăng giữ tri kiến của mình là không cần phải tu gì hết, chỉ niệm A Di Đà Phật mà tới được Tây Phương, là coi chừng không tới được cái cổng. Người niệm Phật nên biết điều này.

Khi chúng ta niệm Phật có nghĩa là chúng ta niệm Vô Lượng Giác, chúng ta sống bằng Vô Lượng Giác. Nghĩa là trong bất kỳ tình huống nào trong đời sống này, mắt chúng ta thấy trong cái giác, tai chúng ta nghe trong cái giác, mũi ngửi trong cái giác ngộ, đi đứng nằm ngồi ngủ thức gì chúng ta cũng ở chỗ giác ngộ thì gọi là niệm A Di Đà. Có nghĩa là không lúc nào chúng ta lâm mê sanh tử, không lúc nào để cho cái tham, sân, si xảy ra trong cái thấy biết của mình thì chúng ta đang niệm Vô Lượng Giác, đang niệm A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật là cái giác biết hiện tiền của chúng ta. Nơi lục căn trong mọi thời mọi lúc, chúng

ta luôn luôn sống bằng cái giác biết hiện tiền, tức là người đó đang niệm A Di Đà Phật. Và dứt trừ mười tập nhân đau khổ là chúng ta đã ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc rồi. Đây là địa chỉ rất chính xác, và chúng tôi mong rằng mọi người phải vẽ sơ đồ này, đi ra đi vô làm sao thấy được một cách tường tận rõ ràng, không bao giờ lệch nữa. Kể từ đây mình xây dựng cái sơ đồ này cho vững nơi tâm, nắm địa chỉ này thật chặt, hơn hai ngàn năm trăm năm rồi chưa nghe Đức Phật thay đổi địa chỉ, cho nên địa chỉ này là chính xác không sai.

III. PHÁP THÂN A DI ĐÀ - CẢNH GIỚI THÔNG ĐỒNG CỦA CHƯ PHẬT TỬ BI

Tất cả Chư Phật khắp mười phương pháp giới này khi thành Phật, các Ngài chỉ có một pháp môn duy nhất, đó là pháp môn giải thoát mà thôi, ngoài ra không có gì khác nữa. Thêm vào đó, tất cả Chư Phật đều đồng một Pháp thân.

Bây giờ chúng ta hãy nói một chút về sự đồng đẳng vì tất cả chúng ta ở đây đều là bình đẳng, ví dụ cái thấy của chúng ta không sai biệt nhau trong lúc chúng ta đang thấy ở đây. Chúng ta đang thấy những cảnh trước mắt và thấy như nhau hết. Tất cả chúng ta ngồi đây đều có cái thấy đó, và khi thành Phật thì cũng nhận được một Pháp thân giống như nhau, không có gì sai khác cả. Như vậy có nghĩa là tất cả các Đức Phật là một Đức Phật hay là khác nhau? Khác hay giống? Trong Kinh Hoa Nghiêm

nói rằng tất cả Chư Phật chỉ có một Pháp thân duy nhất. Nghĩa là sao? Nghĩa là tất cả Chư Phật dùng một thân chung hay sao?

Giống như bây giờ chúng ta cùng nhìn thấy cảnh duyên thì chúng ta xài chung một cái thấy hay xài riêng? Mình thì riêng rồi đó. Nhưng Phật thì không riêng. Mà cũng không chung. Không chung được đâu, nhưng mà cũng không riêng. Đây là điều kỳ diệu. Nếu chúng ta hiểu được cái “không chung, không riêng” thì chúng ta có thể hiểu được cảnh giới của Chư Phật.

Như mình bây giờ, khi chúng ta nói đến cái chung, là có tất cả bao nhiêu âm thanh thì chúng ta cùng nghe một lượt. Mình không thể lấy cái nghe của người khác để nghe cho mình, và cái nghe của mình cũng không thể che chắn hay lấn chiếm được cái nghe của người bên cạnh. Người bên cạnh nghe bao nhiêu âm thanh thì mình cũng nghe bấy nhiêu âm thanh. Người bên cạnh thấy bao nhiêu đó thì

mình cũng thấy bấy nhiêu đó. Và chúng ta đang cùng ngồi trong một chỗ như nhau để thấy và nghe tất cả các cảnh duyên như nhau. Trong cái chưa có sự so sánh phân biệt thì chúng ta đồng đẳng cái này.

Như vậy nếu chúng ta sở hữu cái nghe để nghe một âm thanh, thì Đức Phật cũng sở hữu cái nghe để nghe một âm thanh, và Đức Phật khác cũng nghe bằng cái nghe đó và cũng nghe một âm thanh. Nếu nhìn ở một góc độ nào đó thì đó là “chung,” là “một.”

Nhưng đối với Chư Phật thì một mà không phải một. Tuy không phải một, nhưng lại chẳng phải là có một cái ngã riêng khác như mình ở đây đâu. Chúng ta cần phải hiểu rõ điều này. Đức Phật Thích Ca không phải là Đức Phật Dược Sư, và hai vị Phật này không phải sở hữu hai bản ngã như mình bây giờ. Mình thì khác với người bạn ngồi kế bên cạnh mình, khác hoàn toàn. Mình kiến thức khác, nghiệp tập khác. Chúng ta có quá nhiều sự sai khác. Trong

khi Chư Phật thì đã sạch hết kiến thức, sạch hết nghiệp tập, mà chỉ là trí thôi. Cho nên đồng đẳng về trí, đồng đẳng về tánh, đồng đẳng về diệu dụng. Đã tới cảnh giới đỉnh điểm đó rồi thì ***Chư Phật đồng đẳng y như nhau không khác.***

Bây giờ chúng ta hãy tưởng tượng, ai đã từng ở trong một khách sạn năm sao, họ có một hệ thống điện chung như nhau, và khi họ mở hệ thống điện đó lên là tất cả các đèn đều được bật lên. Như căn nhà này, khi chúng ta mở hệ thống điện lên là bao gồm tất cả bao nhiêu cái quạt, bao nhiêu cái đèn khác nhau; tất cả là từ một dòng điện, nhưng cái quạt sẽ quay theo kiểu của nó, cái đèn sẽ sáng theo kiểu của nó; tuy nhiên khi nói đến điện thì ở đây là dòng điện chung.

Vậy nếu mình hiểu cái “chung” như vậy, là hiểu đúng hay hiểu sai? Là sai rồi. Không có cái nghĩa chung như vậy đâu. Khi mình cúp nguồn điện là tất cả những cái quạt này sẽ tắt và nếu mở nguồn

điện thì tất cả cái quạt sẽ quay. Nghĩa là tất cả những cái quạt này đều xài chung một nguồn điện, có điện thì quạt quay, không có điện thì quạt tắt, không phải một cái tắt mà cả ngàn cái quạt được gắn chung quanh ở đây cũng đều sẽ tắt hết.

Nhưng ở đây, chúng ta phải hiểu “tất cả Chư Phật đồng một Pháp thân,” chữ “đồng” ở đây không phải là “chung” như trên vừa nói. Như bây giờ mình chưa thành Phật thì đã có Đức Phật Thích Ca thành đạo rồi. Chúng sanh ở đây mê lầm nhưng đã có Đức Phật giác ngộ rồi. Nhưng một mai mình ở đây thành Phật, thì sẽ có thêm một vị Phật trong cõi này nữa. Và khi chúng ta và tất cả chúng sanh trong pháp giới này thành Phật thì cõi giới của Chư Phật trong pháp giới này cũng không khác nhau một chút nào. Không hề khác.

Cho nên xin đừng nói là Đức Phật này nguyện như vậy nên mới có cõi giới này, còn Đức Phật kia nguyện như thế kia thì mới có cõi giới kia.

Nói như thế là chúng ta sai rồi, mà từ xưa đến nay chúng ta học đạo theo kiểu đó.

Trong Kinh có nói rằng, khi Phật A Di Đà còn là Pháp Tạng Bồ Tát thì đã phát nguyện gì, và Ngài phát nguyện là sau khi thành Phật thì cõi nước mình sẽ được như vậy, như vậy. Chẳng hạn như: *“Nếu có chúng sanh nào niệm đến danh hiệu của tôi thì tôi sẽ rước về cõi Phật.”* Và chúng ta tin rằng từ xưa đến giờ chỉ có một mình Đức A Di Đà là phát nguyện như vậy thôi, và chúng ta tin là chúng sanh sau khi chết, nếu có niệm Đức Phật A Di Đà thì sẽ được Đức Phật rước về cõi của mình. Còn Đức Phật Thích Ca thì không có từ bi như vậy sao? Và chúng ta tin là các Đức Phật khác cũng không làm được chuyện này, chỉ có một mình Phật Di Đà là làm được chuyện này thôi. Đúng không?

Nếu hiểu như vậy thì e là chúng ta phỉ báng Phật rồi. Bởi vì khi đã tới cảnh giới của Chư Phật từ bi thì Chư Phật sẽ đồng như nhau, không khác, Trí

tuệ như nhau không khác. Cảnh giới là như nhau không khác. Thành ra phút chốc thành Phật là thông đồng cảnh giới mười phương liền tức khắc. Tức là tất cả cảnh giới thông đồng của Chư Phật từ bi đều như nhau. Đẹp đẽ, sáng chói, rực rỡ như nhau không khác.

Chúng sanh nào đi theo Đức Phật Thích Ca tu học thì Chư Phật mười phương cũng đều biết. Bởi do mắt phàm chúng ta không thấy, nhưng sự thật là nhất cử nhất động của tất cả chúng sanh trong các cõi giới là đều được Chư Phật mười phương rõ biết, chứ không phải một mình Đức Bổn Sư rõ biết đâu. Cho nên dù là một cử động rất nhỏ của chúng ta thì cũng được Chư Phật mười phương chứng biết. Nên nếu một chúng sanh niệm danh hiệu của một Đức Phật là chạm tới tất cả Chư Phật mười phương. Chứ không phải là niệm Đức Phật Di Đà thì chỉ Đức Phật Di Đà rõ biết đâu. Cho nên khi một thiện tâm hay ác tâm của chúng ta phát khởi là tất cả Chư Phật đều rõ

biết. Nhưng điều tuyệt diệu ở đây, là tất cả Chư Phật đều rõ biết một lượt. Cho dù Chư Phật không hề có một mảy may tác ý để soi rọi mình.

Đến một lúc nào chúng ta thiền định sâu thì chúng ta mới hiểu ra được điều này. Tất cả những ý niệm dù rất nhỏ nơi tâm của chúng ta, dù là hiện ra theo kiểu gì, thì Tự Tánh luôn luôn rõ biết. Tự Tánh không có tác ý, không có quán, không có soi, không có chiếu. Còn quán, còn chiếu ... thì không phải rồi. Còn quán, còn chiếu ... là theo dạng tâm thức chứ không phải Tự Tánh.

Tâm thức thì vẫn thấy có, không, đúng, sai, còn, mất, lúc tỉnh, lúc mê. Lúc tỉnh thì mình thấy mình thanh tịnh. Khi tỉnh giác thì khởi niệm gì mình cũng thấy biết được hết. Nhưng lúc mình mê thì mình niệm Phật mấy tiếng đồng hồ rồi mới giật mình trở lại, rồi lại than phiền: “Sao con nhận được Tánh rồi, bữa nay con nhận biết có ý niệm, nhưng hôm sau sao con lại không thấy?” Như thế thì không

phải là nhận Tánh. Nhận Tánh thì không thay đổi, mà thay đổi thì không phải là Tánh.

Cho nên chúng ta phải thấy rõ là Pháp thân của Chư Phật thấy in tuồng như là một. Nếu dùng ngôn ngữ ở một chiều nào đó thì chúng ta nhìn thấy là tất cả Chư Phật ở mười phương đồng một Pháp thân; điều này là hoàn toàn đúng chứ không sai. Nhưng nếu nói mỗi mỗi đều riêng khác, thì cũng hoàn toàn đúng chứ không sai.

Vậy nên đã ở trong cảnh giới của Chư Phật thì hoàn toàn không khác nhau một mảy may gì, nhưng không phải ở chung, mà cũng không phải ở riêng. Chung không phải là giống như mình, theo kiểu bao nhiêu người ngồi chung nhà với nhau ở đây. Bởi vì ngôi nhà của Chư Phật là pháp giới mười phương. Không phải là một chỗ riêng để trú ngụ.

Mà một Đức Phật khi đã thành Phật thì Pháp thân Phật trải khắp pháp giới mười phương. Không chỗ nào không phải là thân của Phật. Chúng ta đang

ngồi ở đây, đang đứng ở đây, đang đi ở đây là đang đi trong thân của Đức Phật, chứ không đi bên ngoài được. Thân của Đức Phật trải khắp pháp giới này. Và tất cả các Đức Phật đều là Pháp thân trải khắp pháp giới, trùm khắp pháp giới, chứ không có Đức Phật nào mà thân trải riêng hết.

Cho nên trong kinh Đức Phật Thích Ca từng nói rằng khắp tam thiên đại thiên thế giới này, không có chỗ nào không phải là chỗ xả thân mạng của Đức Phật.

Mọi người thường hay lý luận là do sanh tử muôn ngàn kiếp, Đức Phật đã từng tu trong cõi của mình. Ví dụ như trên đất nước này, mảnh đất Chùa Long Hương này chỉ có một hecta thôi, nghĩa là tiền thân Đức Phật đã chết đi, chết lại, chết tới, chết lui, chết vô số lần chôn khắp cả chùa, nghĩa là chỗ nào cũng đã từng chôn thân Đức Phật. Cho nên giờ lấy dùi cắm xuống là trúng thân của Đức Phật. Nhiều người giải thích như vậy thì nó cũng đúng theo cái

kiểu hiểu đó, nhưng nếu chúng ta hiểu cho đúng đắn thì phải hiểu thân của Đức Phật đã trải khắp pháp giới mười phương là cái thân gì? Đó không phải là cái thân vật chất chết đi sống lại theo cái kiểu như mình hiểu từ trước đến giờ. Còn nếu nói chúng ta lấy một cái dùi nhỏ cắm xuống bất kỳ chỗ nào trong pháp giới mười phương là cũng chạm tới thân của Đức Phật thì mới gọi là thân của Đức Phật trải khắp pháp giới mười phương. Hiểu như thế thì chưa chắc là hiểu đúng.

Thành ra chúng ta thấy rằng Pháp thân nghĩa là chỗ nào cũng là thân của Phật, chỗ nào cũng là pháp của Phật, nơi nơi đều là thân phần của Phật. Và cái đó nghĩa là cái gì? Đó chính là cái Chân Như bình đẳng của tất cả Chư Phật, không có một mảy may sai biệt.

Dù là một tỷ lũy thừa tỷ kiếp về sau có một Đức Phật thành Phật thì vị Phật đó cũng sở hữu cảnh giới Phật của Ngài y như Đức Bồ Sư Thích Ca của

chúng ta. Và cảnh giới của Đức Bồn Sư của chúng ta đã được nhắc đến trong Kinh là sao? Là bình đẳng, là thanh tịnh, là không có gò nổng, không có người nữ, không có chúng sanh dữ, nhiều nhiều nhiều những cái không có. Nhưng cõi này có người nữ, gò nổng, chúng sanh dữ... vậy thì cõi này có phải cõi Phật không? Đức Phật đã xuống đây làm người ở cõi Ta Bà để thành Phật. Nhưng chúng ta có dám khẳng định rằng cõi này là cõi Phật chưa? Chưa, đây vẫn là cõi Ta Bà.

Cõi Ta Bà là do đâu vậy? Do tâm của mình còn là chúng sanh nên mình thấy rõ ràng rằng cõi này là cõi Ta Bà. Chứ đối với cái nhìn của một bậc giác ngộ thì đây là một cõi thanh tịnh tuyệt đối rồi. Không phải ở trong chùa mới thanh tịnh mà ở ngoài đường không thanh tịnh. Đối với Chư Phật thì khắp pháp giới này đều là thanh tịnh. Đó là một sự thật. Nơi nào các Ngài cũng thấy là cảnh giới thanh tịnh

tuyệt đối của Chư Phật, cảnh giới bình đẳng tuyệt đối không hề có một mảy may sai khác.

Rõ ràng Đức Phật là vô phân biệt mình không cần phải bàn. Nhưng nếu như đến một ngày mà chúng ta đạt đến cảnh giới vô phân biệt, nếu một ngày mà chúng ta thấy được sự bình đẳng tuyệt đối khi một người đã nhập vào Tự Tánh, nhập vào Tự Tánh thôi chứ chưa nói đến thành Phật, là chúng ta cũng nhận ra được cái tuyệt đối bình đẳng này rồi. Thì lúc ấy mình mới thấy là pháp giới này thật sự là thanh tịnh, vũ trụ này thật sự là trật tự.

Bây giờ mình thấy còn rối loạn, đúng không? Giống như nhìn ngoài đường xe chạy tới chạy lui loạn xạ, nhưng thật sự là nếu không trật tự thì sẽ đụng nhau rầm rầm hằng ngày, chất đống thành núi rồi, nhưng thật sự là xe chạy loạn xạ nhưng cũng rất trật tự. Lâu lâu mới có một hai xe mất trật tự nên mới bị đụng thôi, chứ trên đường lộ là gần như rất trật tự. Và thế giới này luôn là như vậy. Nếu chúng

ta nhìn vào một khu chợ, hoặc nhìn vào một chỗ đông khoảng mười ngàn người, hai chục ngàn người, thì họ cũng phải đi theo cái thứ tự của họ thì họ mới có thể đi được tới nơi chứ không thì sẽ đông đống, không ai đi được tới đâu cả.

Cũng thế, sự vận hành của tất cả các pháp trong thế gian này rất trật tự. Nhưng do bởi mình không hiểu. Còn nếu mình đã hiểu được về quy luật trật tự của vũ trụ rồi, thì mình sẽ thấy pháp giới này rất là trật tự, rất là an bình và rất là bình đẳng.

Nhưng bây giờ mình vẫn thấy là thế giới này bất an, là đau khổ, đủ thứ rắc rối, không nên ở lâu. Nhưng không phải đâu. Khi mà quả địa cầu này nổ tung thì tất cả loài chúng sanh trên quả địa cầu này sẽ chết hết. Lúc đó mình sẽ không còn là người nữa. Mà không còn là người nữa thì mình đâu cần thiết phải bám vào nơi đây để sống. Khi đó mình đã qua đến một cõi giới khác rồi, thì nhu cầu của mình không còn phải là cần ăn cơm để sống nữa. Chúng ta

sẽ sở hữu một loại thực phẩm khác trong cõi giới đó của chính mình. Và cõi giới đó sẽ là nguyên cái hư không mênh mông này chứ không phải còn là quả địa cầu này. Cho nên nếu lỡ nói quả đất này sắp sửa nổ thì chúng ta cũng không cần phải sợ đâu, không có việc gì phải sợ. Mình sẽ được cái duyên ‘bay’ một đoạn trong hư không này rồi mới chết. Nói đến cảnh giới của một người khi đã thoát được ngoài vật chất, thì cái sinh hoạt, cái nhu cầu để có thể tồn tại ở trong hư không này hoàn toàn khác với nhu cầu của cõi vật chất. Chúng ta nên biết như vậy, cho nên khi nghe quả đất này sắp bị này kia, kia nọ, thì ... đừng run sợ.

Cho nên nếu muốn nói đến cái “chung” thì tất cả chúng ta đều sở hữu chung một sự hay biết, một sự rõ biết ở trong tam giới này. Nhưng có điều chúng ta bị riêng là riêng cái ngã chấp. Chứ thật ra là chúng sanh đều chung nhau cả, chỉ do ngã chấp mà thành riêng tư. Cho nên đến một ngày mà chúng

ta phá vỡ được cái riêng tư, ngã chấp, thì chúng ta sẽ thấy là mình đồng như nhau cả.

1. Thanh Tịnh Pháp Thân Phật

Tự Tánh chúng ta từ ngàn xưa cho tới bây giờ luôn luôn là thanh tịnh, chưa hề có lần bị ô nhiễm.

Nó vốn sáng suốt như mặt trời và mặt trăng. Lúc bị mây che thì không sáng ở dưới nhưng nó vẫn sáng trên mây, chỉ có điều không rọi qua vàng mây để nhân gian được sáng thôi. Nhưng khi mây tan thì mặt trời chiếu rọi sáng tất cả vạn vật.

Có một số người hiểu lầm là trong lúc chúng ta còn mê thì Tự Tánh bị che khuất, nhưng thực sự Tự Tánh chưa hề có một lần bị che khuất. Nếu Tự Tánh bị che khuất thì không còn là Tự Tánh nữa. Tự Tánh chúng ta xưa nay vốn tự thanh tịnh, sáng suốt chưa lần nào bị lầm mê, có điều là chúng ta không nhận rõ cái sáng suốt này mà lao theo buồn thương giận ghét mà thôi. Dù người đó đang khóc lóc đau khổ quằn quại thì Tự Tánh vẫn rõ ràng như thế, chưa

từng mê. Dù người đó đang làm ác, hoặc người đó đang làm thiện, thì Tự Tánh vẫn là Tự Tánh. Không vì chuyện làm ác mà Tự Tánh bị ô nhiễm, không vì chuyện làm thiện mà Tự Tánh bị khuất lấp, không vì chuyện buồn thương giận ghét xảy ra mà Tự Tánh bị mê mờ. Cái mê mờ là cái làm nhận của chúng ta. Chúng ta đắm mê nơi vọng niệm cho nên chúng ta không phát tác được nguồn sáng, không nhận được, không sử dụng được, không có dùng xài được trong Tự Tánh mà thôi.

Không có vọng niệm nào che được Tự Tánh, vì Tự Tánh sanh ra vọng niệm. Vọng niệm được sanh ra trong chân trời Tự Tánh. Vọng niệm là cái chợt khởi, chợt mất, chưa có lúc nào chúng ta không biết vọng, chưa có lúc nào cái buồn vui nào xảy ra mà chúng ta không biết, chưa có lúc nào trên cơ thể, trong tâm hồn xảy ra điều gì mà chúng ta không biết. Chúng ta luôn rõ biết như thế; thậm chí nằm mơ chúng ta biết mình đang mơ, thì lúc chúng ta

thức làm gì có chuyện Tụ Tánh bị khuấy lấp, bị mê mờ?

Sở dĩ dùng từ mê lầm vì tâm chúng ta chưa được tỏa sáng, chưa đủ sức để nhận được cái hiển lộ của Tụ Tánh trong từng giờ, từng phút, từng giây giữa cuộc sống này. Chúng ta làm cho rằng tất cả cái mình thấy, mình biết, mình hiểu là quan trọng, cho nên chúng ta chấp nhận cái lao ra bên ngoài, không chịu thôi dứt và vẫn đắm mê với nó, thì coi như lúc đó chúng ta bị mê mờ, coi như cái đó nó che chắn chúng ta. Nhưng sự thật những cái đó không đủ sức che Tụ Tánh. Dù mình lầm mê cỡ nào thì Tụ Tánh vẫn là như vậy, đó là sự thật từ ngàn xưa cho tới ngàn sau.

Trong lúc chúng ta còn là một chúng sanh mê mờ, nghe ai nói chúng ta có Pháp thân thì chúng ta không dám nhận, vì nghĩ rằng mình còn quá đầy vọng niệm, phải dẹp trừ hết những vọng niệm, những tham sân si, những buồn thương giận ghét thì

mình mới chấp nhận mình có Tụ Tánh A Di Đà. Còn chưa đẹp được thì mình nghĩ Tụ Tánh mình còn mê, còn khuất lấp, mình không dám tin, không dám nhận là mình có Pháp thân đồng đẳng với Chư Phật. Nếu hiểu như vậy thì Tụ Tánh không còn giá trị giữa trần gian này. Tụ Tánh A Di Đà không đủ sáng suốt soi rọi vọng niệm sao? Tụ Tánh mà bị vô minh che thì còn gì là Tụ Tánh, còn gì là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang nữa.

Cho nên khi một người nhận ra Tụ Tánh A Di Đà rồi, một phen tắt cả vọng nghiệp tuôn đổ như lá mùa thu. Khi thấy được sự thật giữa cái bất sanh bất diệt và cái đang sanh diệt, họ rất trân trọng, quý mến, an trú trong cái bất sanh bất diệt đó chứ không còn lao theo cái sanh diệt này nữa, thì tắt cả những vọng nghiệp từ ngàn xưa cho tới giờ một phen tự động không còn vướng mắc.

Trong lúc chúng ta chưa nhận Tụ Tánh A Di Đà thì nó còn ngang với nhau, như muông đờn chén

kiêu cụng nhau, tức là cho rằng vọng này thì thiện vọng kia thì ác, cái này cần lấy, cái kia cần bỏ, tất cả những cái so đo lấy bỏ trong lúc chúng ta dụng công chỉ là cái hơn thua trong vọng thức thôi. Nhưng một phen chúng ta nhận ra thể tánh A Di Đà rồi thì tất cả những cái thiện ác liền trở thành không. Người đó vẫn còn được quyền khởi niệm, vẫn còn xài ý niệm bằng bất cứ hình thức nào nhưng không phải dùng để vướng mắc như trước kia. Không hề phá vỡ bất cứ cái gì giữa tam giới này, nhưng cũng không hề bỏ, không hề chối từ bất kỳ một điều tốt và điều xấu nào.

Vì Tự Tánh vốn bất sanh bất diệt, cái gì tự sanh thì nó tự diệt lấy nó, không cần chúng ta nhúng tay vô nó cũng tự mất. Người thấy được Tự Tánh A Di Đà thì họ thấy rất rõ điều này, cho nên bao nhiêu vọng niệm xảy ra, bao nhiêu ý niệm buồn thương giận ghét trong giai đoạn chưa tu như là mình đánh lộn, chửi bới, thù hằn với nhau rất nhiều, nhưng bây

giờ ngồi đây thực sự tất cả những cái đó còn không? Chúng đã xong tự hồi đó rồi. Nếu lúc đó Tự Tánh không hiện diện thì chúng sẽ tồn tại. Nếu chúng đủ che Tự Tánh thì che luôn tới giờ này, mình chỉ nhớ chuyện buồn còn chuyện khác mình không cách nào nhớ được. Nhưng chuyện khác mình vẫn thấy, còn chuyện buồn tự hồi nào nó đã ra đi với chính nó, không cần bất kỳ một sự dụng công nào. Rõ ràng thời xưa mình chưa tu, mình vẫn còn hơn thua, vẫn còn tham sân, vẫn còn đủ thứ chuyện. Bây giờ ngồi lại mọi chuyện không còn, thì biết rằng những điều này tự hiện ra và tự lặn đi với thân phần của chính chúng, không cần chúng ta phải mó tay vào đâu. Do chúng ta không hiểu điều này nên mình cố dụng công tu hành cực nhọc.

Bây giờ nhìn kỹ một vọng niệm xảy ra nó có đợi mình dụng công để nó lặn không? Chúng ta chưa kịp dụng công nó đã lặn mất rồi thì dụng công để làm cái gì, có dư không? Rất dư.

Chúng tôi rất thích câu chuyện của ngài Tuệ Trung Thượng sĩ. Có người hỏi Ngài: “Thế nào là tu?” Ngài nói: “Vua hạ giọng xe đánh nhái bầu”. Một câu trả lời khôi hài nhưng rất tuyệt vời! Người nào tu thì giống như ông vua điên kia đang ở trên kiệu hoa rất đẹp, được người ta khiêng trân trọng, vậy mà tụt xuống bùn như đánh lộn với con nhái bầu, còn gì nữa giá trị của một ông vua.

Tự Tánh mình vốn A Di Đà, Pháp thân chúng ta vốn bất sanh bất diệt sao không sống bằng Tự Tánh mà cứ hơn thua với vọng niệm? Rõ ràng là có sự sai lầm. Người nào còn nghĩ rằng vọng niệm xảy ra để che mờ Tự Tánh, thì người đó phải hơn thua với vọng niệm để dẹp hết vọng niệm này mới nhận ra Tự Tánh, là người đó đánh giá thấp Tự Tánh, đánh giá thấp Phật của chính mình. Nếu dẹp vọng niệm Tự Tánh mới sáng thì thôi thà đừng tu nữa, vì hôm nay dẹp ngày mai vọng niệm sẽ lại che lại. Nhưng khi nhận ra Tự Tánh thì sự việc lại khác hẳn

với những điều này. Từ xưa tới giờ Tự Tánh luôn trong lặng sáng suốt, không hề có bất kỳ cái gì có thể che mờ hay dính nhiễm được Tự Tánh. Ở địa ngục hay thiên đường thì dù chỗ nào Tự Tánh vẫn là Tự Tánh.

Người nhận được thanh tịnh Pháp thân rồi thì bên trong sẽ tôn trọng và nhận biết rõ Tự Tánh của mình, bên ngoài thì thấy rõ ràng tất cả chúng sanh vốn có Phật tánh thanh tịnh này, nên không có ý niệm khinh thường, không bao giờ cống cao ngã mạn, không bao giờ lấn lướt, hơn thua với người. Khi nhận ra Tự Tánh rồi thì thấy sự bình đẳng của mình với tất cả chúng sanh, nên tất cả tâm này tự mất chứ không phải dụng công để dẹp trừ.

Người nhận được thanh tịnh Pháp thân A Di Đà là người có đủ trí huệ, thấy rằng sự bình đẳng giữa chúng ta và tất cả chúng sanh. Tất cả muôn loài đều có Tự Tánh bất sanh bất diệt, nên mình tự động

tôn trọng mọi người. Những tâm lẩn lướt hơn người, tà mê, ngã mạn, vọng kiến ... tự rụi lấy.

Một phen họ thấy biết tất cả những động niệm nơi tâm là vọng, như vậy là đủ, không cần thêm cái gì. Nếu chúng ta chưa thấy chúng là vọng thì phải hơn thua với chúng.

Như người chưa nhận được cục vàng thì luôn bới tìm hồ rác, còn người nhận được vàng rồi thì thoải mái xài dùng, còn đồng rác tự rụi. Dùng trí huệ sáng suốt của mình để dùng xài trong tất cả các việc, thì vọng niệm vọng tưởng tự rụi, đừng nghĩ mình phải giải quyết vọng niệm đó nữa. Vì khi Tự Tánh A Di Đà hiện thì đủ sức thấy bề sâu hết sức tinh tế của vọng niệm, không đợi khởi niệm chúng ta mới thấy đâu, mà chưa hình thành một vọng niệm gì là đã thấy tới chiều sâu đó rồi.

Nếu chúng ta chưa nhận rõ Tánh, khi vọng hiện ra thì thành tham, thành sân rồi chúng ta mới thấy. Nhưng người rõ Tự Tánh A Di Đà, điều đặc

biệt là họ thấy tận nguồn sanh tử, thấy cái nguồn phát sanh vọng niệm khi vọng niệm chưa thành là tham, chưa thành là sân. Nó mới chỉ hết sức tinh tế bên trong là đã thấy rõ rồi, thấy rõ vậy thôi, và khi tự nó không thành vọng niệm thì gần như không còn công phu nào.

Khi động niệm chưa thành hình thì Tự Tánh tự tiêu hóa lấy. Như con chuột trong hang sâu tối, khi bò ra ngoài nó tự bị nhuộm sáng bởi ánh sáng mặt trời. Ánh sáng mặt trời không phải soi rọi cho con chuột sáng. Người nhận được thanh tịnh Pháp thân thì tất cả ý niệm hiện ra đều bị nhuộm sáng bởi ánh sáng của Tự Tánh. Không còn soi rọi để khử trừ từng vọng niệm, không còn sự chú tâm, mà tất cả vọng niệm đều tự hoá tán bởi ánh sáng của Tự Tánh. Cái nào hiện ra thì nó tự rõ với chính mình, nó tự tiêu. Do đó, người nào còn có thái độ không chấp nhận là không cần dụng công, thì hãy biết là người đó chưa rõ Tự Tánh. Vì rõ Tự Tánh rồi thì họ thấy

việc dụng công là không phải. Một ngàn năm dụng công vẫn là thừa với phút giây của người ngộ Tánh. Đó là sự thật của người một phen hay ra Tụ Tánh.

Người hay ra được Tụ Tánh A Di Đà rồi thì không còn phải thế này thế kia, tức là họ đã phá tất cả những khuôn thước, nhưng người đó không hề có một lần sống phá vỡ, không hề có một lần bị sai trái. Mặc dù với họ không còn bất kỳ một khuôn thước nào, mặc dù người đó không còn có cái gì phải làm, không còn có bất kỳ một sự ấn định đặt định nào trước khi mình làm, gần như là không suy nghĩ trước một giây chứ đừng nói trước một phút, nhưng họ sống chưa bao giờ lỗi nhịp.

Người nhận ra được tụ tánh A Di Đà thì toàn pháp giới đều dung thông không còn địa ngục hay thiên đường đối với họ; khi ấy, ánh sáng Vô Lượng Quang hằng hữu chiếu soi từng giây từng phút không bao giờ hở cách nên gọi là Thanh Tịnh Pháp thân.

Vậy Thanh Tịnh Pháp Thân Phật nghĩa là thân của chúng ta chính là Pháp thân của Như Lai, cho nên Tự Tánh của chúng ta vốn thanh tịnh và có khả năng sanh ra các pháp.

2. Viên Mãn Báo Thân Phật

Pháp thân vốn thanh tịnh, Báo thân vốn viên mãn tròn đầy không hề thiếu thốn bất cứ cái gì, cho nên từ Tự Tánh này mà sanh niệm thiện thì chúng sanh đi về cõi thiện, từ Tự Tánh sanh ra niệm ác thì chúng sanh đi về cõi ác. Địa ngục xảy ra cũng từ Tự Tánh, thiên đường xảy ra cũng từ Tự Tánh. Nơi Tự Tánh đã đầy đủ thiên đường và địa ngục. Một người nhận tánh rồi thì không lầm đi vào con đường thiện, cũng không lầm đi vào con đường ác. Trong Tự Tánh đã tròn đầy, vốn đủ tất cả mọi cái, mọi thứ, mọi điều, không hề thiếu sót cái gì gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật.

Viên Mãn Báo Thân Phật không hề có sự thiếu vắng nào, cái gì có trong tam giới này cũng

đều có trong Báo Thân Phật. Cho nên đầu kinh Pháp Hoa, Đức Phật phóng luồng hào quang chiếu soi mười muôn ức cõi nước phương Đông trên thấu tới trời Hữu Đảnh, dưới thấu địa ngục A Tỳ. Cái thấy biết đó không vướng kẹt hai bên, đối với cõi cực thiện là trời Cứu Cánh, đối với cõi cực ác là Địa ngục A Tỳ thì đều thấu rõ, không thiếu sót, đó mới là cái thấy không phân biệt hai bên.

Tất cả những ý niệm thiện, những ý niệm ác, những ý niệm sáng suốt, những ý niệm đen tối nhất trong cõi lòng, chúng ta phải thấu suốt. Cho nên hào quang phóng giữa chặn mây là nói trí tuệ không vướng kẹt hai bên mới thấu thoát cái thiện và cái ác vốn có nơi tự tâm tất cả chúng sanh. Trong cái thiện ác đó có Chư Phật, có chư Bồ Tát, có chư Thanh Văn, có tất cả mọi điều. Tất cả mọi sinh hoạt nào trong đó đều rõ biết, không lầm lẫn.

Báo Thân Phật có đủ. Kinh Pháp Hoa nói đến ba mươi hai ứng hóa thân thì sẽ nói hết điều này. Do

vậy người hành hạnh Bồ Tát đủ sức đi vào tất cả các cõi giới để làm tất cả các việc, nhưng không hề lìa Tự Tánh. Năng lực của Tự Tánh đủ sức cho tất cả chư Bồ Tát nhận được khi đi vào tất cả các cõi. Cho nên Viên Mãn Báo Thân Phật là tròn đầy khắp pháp giới, không có chỗ nào trong tam giới hay trong mười phương pháp giới mà thiếu vắng một chút Tự Tánh. Nếu thiếu vắng một chút Tự Tánh thì Tự Tánh không còn là Tự Tánh nữa. Tự Tánh luôn tròn đầy và trùm khắp. Kinh Di Đà nói cái Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang là ánh sáng trùm khắp mười phương pháp giới, không có chỗ nào khuất lấp, đó là Viên mãn Báo Thân Phật. Là cái sáng suốt, tròn đầy, vốn có sẵn đủ của tất cả chúng ta.

3. Thiên Bá Ưc Hóa Thân Phật

Chư Phật có Thiên Bá Ưc Hóa Thân thì chúng ta cũng có Thiên Bá Ưc Hóa Thân. Ví dụ, mình khởi niệm từ bi thương mọi người là chúng ta đang hóa thành Bồ Tát, nhưng rồi có người chọc

gheo cho mình nổi sân lên thì mình liền xuống địa ngục, chút nữa mình nghĩ chuyện làm thiện thì lúc đó mình ở thiên đường, sau đó khởi ý niệm bòn xén keo kiệt thì vào cõi naga quý, khởi niệm dục vọng tà mê thì vào đường súc sinh, khởi niệm sân si thì đi vào A tu la, như vậy nơi chúng ta trong một phút giây thôi tâm chúng ta biến hóa vô cùng.

Nơi Tự Tánh chúng ta có đủ các cõi đó, cho nên khi khởi một niệm nào chúng ta liền biến hóa thành niệm đó. Ví dụ khi sân hận thì mặt chúng ta sẽ hung dữ, nóng đỏ, trong lòng mình đen tối ngay, cảnh giới địa ngục liền hiện ra. Lúc đó tối tăm thì bắt đầu đau khổ, khó chịu và cái ray rút trong lòng hiện ra. Chúng ta bực tức ai, chúng ta buồn giận ai thì địa ngục bắt đầu mở cửa với chính mình, để mình bước vào hưởng những cái trong địa ngục đó. Rõ ràng khi địa ngục mở ra thì buồn, thương, giận, ghét, phiền não, sân, si đủ thứ chuyện mình gỡ không nổi, khó phá cửa địa ngục để ra. Khi nào được nghe một

lời pháp chúng ta thức tỉnh lại, thì mới vọt ra khỏi chân trời địa ngục. Địa ngục là cảnh giới tối tăm, chỉ có ánh sáng chánh Pháp của Đức Phật thì tối tăm tự mất, địa ngục liền thành không.

Chúng ta tự kiểm tra để biết rằng cái Hóa Thân của mình nó đi đâu, và cái vốn liếng Hóa Thân mình nó thuộc chiều hướng nào nhiều, để biết rằng sau này những Hóa Thân đó gom lại để nó tạo thành sức lực lôi mình đi chỗ đó. Nếu Hóa Thân chúng ta là thiện nhiều thì khi bỏ thân mạng này bao nhiêu Hóa Thân đó gom lại để hình thành cuộc sanh tử chúng ta ở cõi trời. Hiện tại tâm chúng ta từ bi lớn thì chúng ta ở địa vị Bồ Tát, nhưng tâm chúng ta bòn xén keo kiệt sân si thì sau khi bỏ thân mạng này ta phải theo Hóa Thân này xuống dưới kia ở.

Thiên Bá Ưc Hóa Thân nghĩa là trong một giây thôi không biết bao nhiêu ý niệm phát sanh, không biết bao nhiêu cái Hóa Thân của mình. Như vậy là tùy Hóa Thân nào nó sẽ tạo thành nghiệp lực

đó, do đó một người chưa ngộ được Tự Tánh là phải huân tu. Nếu chưa thật sự ngộ tánh thì chúng ta đừng bao giờ cho ác nghiệp xảy ra nơi mình. Nếu có ác nghiệp xảy ra thì chúng ta phải thấy biết một cách rõ ràng để đừng tiếp tục, đừng có vun phân, đừng có bồi nước để nó lớn lên.

Nếu có tu mình sẽ thấy rõ điều này. Ví dụ, có chuyện phiền muộn rất nhỏ với người bạn mình thôi, nếu mình không khéo tu thì chuyện phiền muộn đó trở thành lớn. Một niệm ác phát ra, chúng ta tiếp tục vun phân bồi nước để cái ác nó thành sâu nặng, nhưng nếu người biết tu ngang đó dứt được, thì khổ não nơi lòng không phát sanh. Khi Hóa Thân xảy ra người biết tu sẽ biết khéo chuyển hóa cái Thiên Bá Úc Hóa Thân này.

Không có phút giây nào nơi lòng chúng ta không có. Nhưng nếu một người biết được Pháp Thân, Báo Thân, có nghĩa nhận ra được Tự Tánh rồi thì tất cả những Hóa Thân đều được nhuốm bởi ánh

sáng của Pháp Thân. Đây là điều rất đặc biệt. Như con chuột từ trong tối đi ra ngoài ánh sáng, thì bị nhuộm sáng bởi ánh sáng mặt trời. Mặc dù nó mang thân con chuột nhưng nó không còn tối đen như ở trong hang nữa. Vẫn còn là con chuột đó nhưng đã nhuộm sáng rồi, không phải là con chuột trong tối.

Ở trong Tự Tánh tất cả những ý niệm đều được Tự Tánh hóa giải. Và rõ ràng từ xưa tới giờ đều luôn như vậy, chỉ có điều chúng ta có nhận ra được điều này hay không mà thôi. Nhận ra được thì việc này nó là như vậy, nhưng không nhận ra được, thì chúng ta lâm trong vọng niệm để bị khổ đau chứ không phải Tự Tánh làm việc này.

Có nhiều người đặt câu hỏi nếu Tự Tánh luôn hiển lộ, thì tại sao Tự Tánh vẫn để mình đau khổ? Tại chúng ta chấp nhận chuyện hơn thua, phải trái rồi khổ đau với nó, chứ không phải Tự Tánh làm cho mình khổ. Nếu những phiền hận không bị hóa

tán, tiêu trừ, nó sẽ còn đầy ắp trong lòng mình thì mình không thể nào vui cười được đâu.

Nếu chúng ta tin tưởng rằng năng lực của Tự Tánh hơn tất cả Hoá thân Phật, khi tâm này hướng theo ác thì gần như đọa địa ngục, nếu tâm này hướng theo thiện thì sanh ra trí tuệ, khởi tâm từ bi thì liền biến thành Bồ Tát. Đến một ngày nào đó, mình nhận ra là mình và người bạn của mình không khác nhau bất kỳ điều gì, lúc đó chúng ta mới hiểu nhiều về Tự Tánh hơn.

Còn bây giờ mình muốn tìm cái “đồng” với người bạn kế một bên cũng không được. Đúng không? Chúng ta thấy người đó tóc đen hơn mình, ra đường người ta nhìn mình không bằng người kia. Người này mang áo đẹp hơn mình, người kia mang dép đẹp hơn mình. Ra đường người khác khen họ mặc áo, mang dép đẹp hơn mình là mình cảm giác khó chịu. Nên mình không thấy được cái đồng đẳng với nhau đâu. Không thể thấy nổi. Nhưng đến khi

nào chúng ta thấy được tất cả mọi sinh hoạt trong đời sống này, rõ ràng là “đồng,” rất là đồng, muốn khác cũng khác không được. Thấy rằng mọi sự việc xảy ra với chúng ta đều là đồng đẳng, thì đến chừng đó chúng ta mới hiểu sâu về Đạo Phật.

Còn bây giờ chúng ta chưa hiểu được sự đồng đẳng thì nghĩa là chúng ta chưa đủ trí tuệ để hiểu sâu. Trong khi đó, tất cả Chư Phật đều dùng Pháp thân để an trụ, dùng bình đẳng để an trụ. Chúng ta thì dùng một căn nhà, dùng một nơi nào đó, hay cần có cái thân này để trú ngụ. Nhưng Chư Phật thì khác chúng ta ở chỗ này. Bởi vì Chư Phật luôn luôn hiện hữu ở nơi Pháp thân thường trụ. Đức Phật luôn luôn hiện hữu ở cảnh giới bình đẳng vô phân biệt, lấy chỗ đó làm chỗ an trú. Đó là chỗ an trú của Chư Phật từ bi.

Cho nên nếu hỏi chúng ta là “Đức Phật Di Đà hiện ở đâu? Đức Phật Bổn Sư hiện ở đâu?” Chúng ta sẽ trả lời ra sao? Là “Đức Phật Di Đà ở Tây Phương

Cực Lạc,” đúng không? Nếu vậy thì chúng ta đâu thật hiểu Đức Phật Di Đà.

Nếu hỏi Đức Phật Di Đà ở đâu thì nên trả lời là “đang ngồi trước mặt đó.” Nếu trả lời như vậy thì hy vọng là chúng ta nói trúng. Nói rằng “tất cả Chư Phật đang ngồi hiện tiền trước mặt mình” thì mới hy vọng là chúng ta nói trúng.

Phật không ở cõi nào, bởi vì Phật không có một cõi riêng. Khi Chư Phật thành Phật thì tất cả các cõi đều là cõi Phật. Không phải Đức Phật này sở hữu một vùng này để giáo hóa, rồi Đức Phật kia sở hữu một vùng khác để giáo hóa. Không phải như vậy. Chỉ bởi chúng ta quen hiểu theo kiểu phạm phu đó của riêng mình thôi. Phải hiểu là toàn thể Chư Phật luôn luôn an trú trong Pháp thân đồng đẳng, luôn luôn ở trong pháp đồng đẳng vô phân biệt. Đó mới là chỗ trú của Đức Phật, nơi Chư Phật từ bi an nghỉ.

IV. KẾT LUẬN

Tất cả Kinh điển Đại Thừa đều nói đến lý tánh tuyệt đối, tất cả pháp giới chỉ có một chân lý mà thôi. Vì vậy khi học Kinh Đại Thừa chúng ta phải hiểu một điều là toàn pháp giới chỉ có một chân lý trùm khắp. Vậy chúng ta phải hiểu rằng dù cảnh giới của Chư Phật nào hay cõi nào cũng nằm trong pháp giới. Cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà cũng nằm trong pháp giới toàn chân. Khi nói tới pháp giới toàn chân là cả pháp giới chỉ có một, chỉ có một chân lý duy nhất mà thôi.

Mong rằng tất cả người tu Phật, dù là tu Thiên, tu Tịnh, hay tu Mật thì chúng ta phải tu đúng chánh Pháp của Đức Phật đã tuyên thuyết. Tất cả những người muốn được an lạc Niết Bàn, kể cả những người muốn tới Tây Phương Cực Lạc, đều phải dứt trừ mười tập nhân đau khổ. Muốn niệm

Phật, nhớ nghĩ Phật thì phải sống bằng tánh giác; ở nơi mắt thấy là giác, tai nghe là giác, mũi ngửi là giác, lưỡi nếm là giác, trong mọi thời mọi lúc chúng ta không bị lầm mê, tức là chúng ta đang niệm A Di Đà Phật. Rất mong đại chúng sẽ đi đúng địa chỉ để tới Tây Phương Cực Lạc diện kiến Đức Phật A Di Đà càng sớm càng tốt.



TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

Điện thoại: +84 251 86 00 258

Di động: +84 911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Chùa Long Hương: www.chualonghuong.org

Quy Nguyen: www.quynguyen.org,
www.quynguyen.com

BẢNG ĐĨA GIẢNG ĐÃ PHÁT HÀNH

- Kinh Hoa Nghiêm (*đang giảng*)
- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Lăng Nghiêm
- Kinh Kim Cang
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
- Tiêu Bản A Di Đà
- Tứ Niệm Xứ
- Tứ Thánh Đế
- Kinh Pháp Cú
- Kinh Thập Thiện
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Kinh Duy Ma Cật
- Lục Độ Ba La Mật
- Thập Nguyện Phổ Hiền

- Bát Đại Nhân Giác
- Kinh Ba Cửa Giải Thoát
- Kinh Phước Đức
- Kinh Vô Ngã Tướng
- Kinh Nhất Dạ Hiền Giả
- Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục
- Yếu Quyết Tứ Diệu Đế
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Tứ Nhiếp Pháp
- Mười Bốn Điều Minh Triết
- Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang
- Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn
- Phương Pháp Tọa Thiền
- Thiền Thư Giản Và Quán Thân
- Vô Thường - Khổ
- Tham Vấn Phật Pháp
- Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Đức Phật Là Bậc Y Vương
- Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức
- Hạnh Phúc Chân Thật
- Thương Yêu và Tôn Kính
- Thiền Tĩnh Song Tu
- Chữ Tu Trong Đạo Phật
- Vượt Qua Nghiệp Chương Và Tái Sanh
- Tu Tập Và Trị Liệu

- Thân Tâm Không Khác
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát
- Lễ Phật Thành Đạo
- Ý Nghĩa Phật Đản Saṃm
- Đạo Hiếu Người Con Phật v.v...

BẢNG ĐĨA DƯỠNG SINH

- Phương Pháp Dưỡng Sinh (1- 9)
- Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh
- Thai Giáo
- Để Hoàn Thiện Một Con Người
- Phật Pháp Và Dưỡng Sinh
- Ăn Chay Với Thực Phẩm Ohsawa
- Dưỡng Sinh Phòng Bệnh
- Dưỡng Sinh Hằng Ngày
- Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng
- Dưỡng Sinh Trong Đời Sống
- Cân Bằng Thân Tâm
- Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống
- Nâng Cao Đời Sống Vật Chất Và Tâm Linh
- Nguyên Nhân Bệnh Tật
- Lễ Giỗ Ohsawa 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018-2019...

LUẬN GIẢNG KINH SÁCH ĐÃ IN

- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật
- Giảng Giải Bát Nhã Tâm Kinh
- Lược Giải Kinh A Di Đà
- Vượt Qua Nghiệp Chướng và Tái Sanh Tiêu Bồn A Di Đà
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Đạo Hiếu Người Con Phật
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát...

Tập luận giải “**Lời Nguyện Thứ Mười Tám Của Đức Phật A Di Đà**” của **Tỳ Kheo Thích Tuệ Hải** đã được bảo trợ ấn tống bởi Quỹ Ấn Tống Kinh Sách của Hội Viet Nalanda Foundation để trao gửi đến quý Phật tử hữu duyên nhân **Đại Pháp Hội A Di Đà “Thể Nhập Tự Tánh Quang Minh”** do Viet Nalanda Foundation tổ chức tại Little Saigon, California vào tháng 6, 2019. Tập sách này cũng đã được Milam Sudhana chuyển từ Việt ngữ sang Anh ngữ. Xin xem bản dịch Anh ngữ trên trang nhà Viet Nalanda Foundation. Kể từ tháng Giêng 2019 trở đi, phương danh ấn tống kinh sách sẽ được cập nhật vào mỗi cuối năm trên trang nhà.

VIET NALANDA FOUNDATION
Trang nhà: www.vietnalanda.org
Email: vietnalanda@ymail.com

Sách Ấn Tống



Bồ đề tâm vương, tâm tối thượng,
tâm vô cùng trân quý,
Nơi tâm ấy chưa sinh, xin cho tâm ấy nảy sinh.
Nơi tâm ấy đã sinh,
xin cho tâm ấy đừng bao giờ thoái chuyển
Mà vĩnh viễn mỗi ngày mỗi vươn lên,
vươn lên cao hơn.